

Wason
PL 4380
A1 K45++

NĂM THỨ BA / SỐ 116 5/8/1971

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM :
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM

TRẦN TUÂN KIẾT *trình sương trông trời*

buổi sớm trong rừng đầy
vàng trắng lạnh như băng
tĩnh qua cơn mộng dữ
ra sân đứng nhìn trăng

chân gai rồng hề nu
đen lưng giọt sương trời
ngân ngơ lòng tự hỏi
đâu nay chết bao người

quanh ta đầy trăng sáng
quanh người đầy lửa loạn
ta nhìn trăng bụi ngùi
thanh bình đầy đã chán

quanh ta tiếng than khóc
xe tang vẫn lên đường
nhìn trăng thanh lãng lạng
trời đất nào xót thương

xót thương thời cũng thế
đây miếng ngọt miếng ngon
chiến trường quân đối rách
giết giả buồn tha phương

hai mươi năm đánh đuổi
giặc Bắc cho quê hương
còn ngờ quân đánh mìn
cho trên thế Đông Dương

ta nhìn dân gà nhỏ
kêu chịu chết trong chông
lại nhìn vàng trắng tổ
mà nhớ ngoài sa trường

giờ này bạn nơi đâu
rừng lau chắn ngang đường
khí rừng chai nét mặt
pháo kích năm gian lao

giết được bao nhiêu đứa
cò xót tình mẹ già
những thằng con chết trên
những đứa bé không cha

thế mà anh phải giết
cò khi nào biết buồn
thế mà anh cứ diệt
những giọng máu quê hương

buổi sớm nghe tiếng sáng
của giặc tấn công đồn
lửa nung hầm quả đất
banh xé thịt phơi xương

mai sau con trẻ hát :
— Nam Bắc bãi sa trường
mơ đây là ai giặc
vàng trắng soi căm hờn

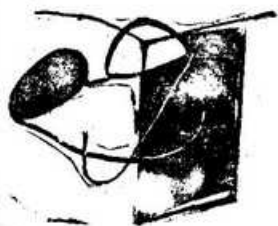
ta vẫn đứng nhìn trăng
không gian vô tận quá
lòng như áng mây ngàn hă
trên thình không nhân nhấ
sao hôm và sao mai
cảm cảm buồn tịch mịch
chẳng thấy chim trời bay
vàng tây đầy khói thuốc
chỉ còn đây điều thuốc
mà nhớ về sa trường
cho trách nàng thương
nhiều kẻ bán quê hương
mai này anh đọc lại
những vần thơ đêm nay
anh hiểu đùm ta nhẽ
viết trong lúc tỉnh say
lòng ta như gió thoảng
trí ta như mây bay
ta chẳng bao giờ hiểu
ta nghĩ gì đêm nay



Đây là một trong
những bức họa của họa
sĩ Lê Tài Điền — Giải
nhất Hội Họa Quốc Tế
trong kỳ triển lãm tại
Ý — mà K.H. và Tổng
Hội S.V.V.N. tại Ba Lê
giới thiệu trong cuộc
triển lãm sắp tới tại Sg.

KHỞI ĐĂNG
NGƯỜI TÌNH
CỦA
CHATTERLEY
PHU NHÂN

VĂN CHƯƠNG VÀ
HÀNH ĐỘNG



NGƯỜI VÀ VIỆC tổng châu ân

THỜI ĐẠI BUỒN BÀ

MÙA THU bắt đầu bằng những cơn gió heo may, bằng những buổi chiều chớm lạnh. Bầu trời lửng lơ những mây chiều xuống thật êm. Gió thổi theo chân, gió xua lá đỏ—giòng sông lặn tấp sóng nước. Đi trong những êm ả đó, tôi thấy mung lung sung sướng nghĩ mình còn trẻ, còn sơ mơ để biết sự vật thật chắc chắn, thật gần gũi. Hư tưởng về một thành phố cũ, một khuôn mặt huy hoàng xa xưa làm tôi nôn nóng quay về. Đã xuống làm nhà ga, đã qua nhiều hầm, đèo dốc cheo leo, đếm những cột đèn chạy dài âm thầm trong các thung lũng. Đã nhiều lần ghé bến xe đò. Đã hơn một lần xuống máy, bay những buổi trời chớm thu tôi vẫn còn nôn nóng tìm về quê nhà. Nôn nóng lia bỏ thành phố ồn ào, náo nhiệt quen thuộc những ngõ ngách những khuôn mặt, những nụ cười của những ngã tư đường, với những người lính trong tư thế gác gác, ngồi sau lớp lưới sắt, mắt nghi ngờ. Thành phố đại đa số đi làm cho Mỹ — buổi chiều, buổi tối hàng chục xe nhà binh Mỹ chạy ào ào chở nhận công đi về, làm ca ngày, ca đêm, Trang đại đa số, đại đa số là con gái. Ở nên buồn hay nên vui. Thành phố nhiều nhưng, cướp giật, xe của những người bạn bên kia bờ Đại dương chạy cán người hàng, ngày buồn buồn vác súng bắn chơi giữa phố phường, bạch nhật, thiên hạ qua lại tấp nập.

Đi, thêm đi như thêm thở. Đi : giải quyết những ứ đọng, những tư tưởng, quanh quẩn cùn mòn. Đi, để vượt bỏ những khuôn mẫu có sẵn đang khung, đã in hằn trong trí não, theo năm tháng chông chênh.

Đường bay phi đạo; náo nhiệt bên xe, thăm thẳm sân ga, những hình ảnh mẹ, say, mê, say nhưng bỏ lại. Bỏ lại để đến một nơi nao khác, vắng, lạ, càng hay, càng xa càng tốt. Đã bỏ lại như hơn một lần bỏ lại người, tình, áo trắng, tóc xanh. Một khuôn mặt, mới, một thành phố lạ, một con đường lạ : Nơi ao ước không còn. Nawag rồi đi đâu, ở đây tôi vấp cổ về H. trong những ngày... chớm thu (Thời chớm thu rồi em biết không? Gió thu phơn phớt má em hồng) về nhà lại những gót son hồng, bàn chân, con gái. Về thật âm thầm, âm thầm như lần ra đi (sương mù, bao, chủ, thành phố còn ngái ngủ) về ngôi ở một quán nước, trên một con dốc. Quay quần, năm ba tháng bạn cũ (may mắn đã không chết vì bom đạn, và năm tháng ở những xứ xa) về để uống "tách" trà ướp hoa soi, tương vj, hoa sen. Để còn thấy phong cách mình chưa mai một, phôi pha vì năm tháng — vì cách xa...

Lần trở lại H. gần đây tôi nghe tin một người con gái chết. Tư chết. Một thất vọng về tình? Một quân bách dơi sống? Một chán chường chập vùi? Người con gái chết vì tình, điều này có vẻ chắc chắn : tấm rửa sạch sẽ, trang điểm hồng hồng. Nàng sửa soạn cái chết, sửa soạn về một chốn xa xôi mà mờ mịt đó như sửa soạn một cuộc vui chơi với người tình — sửa soạn một đêm dạ hội — sửa soạn như một đêm tân hôn. Điều ấy, thật can đảm. Phải nói là vô cùng can đảm. Nàng biết rõ cái chết, thật chắc chắn. Cái chết đến với nàng từ từ, chậm chạp như thời gian chờ đợi người yêu. Thời gian chờ đợi người yêu bao giờ cũng dài. Tôi vẫn thắc mắc và đờn đau hoài về những cái chết của một vài người con gái giữa tuổi thanh xuân của một biển động tan hoang phố phường. Cũng như đã lần lần nghe tin một người con gái xa lạ đi lấy chồng. Cái chết của người con gái gần đây, tôi cố nghĩ về một làng mạc, nào đó cộn sột lại của một làng mạc trước cuộc chiến. Trước những ngày chưa chiến chinh. Như một agon gió sau cùng của một cơn lốc mù sương trong một thành phố mưa buồn, mưa bụi. Mưa bên này một đêm, mưa bên kia một chòm.

Một khúc nhạc vàng, một tà áo tím, thơ thân trong một thành bên công viên Đồng Khánh, hàng cây sấu đông, khăng khim—cúi đầu đôi gió, một con đường dài hun hút bóng cây, cũng là làm cho

Xem tiếp trang 14

thời sự văn nghệ

HỘI NHỮNG NGƯỜI VIẾT THUÊ

Nhà văn Nguyễn Vũ vừa cho biết anh đang vận động lập "Hội những người viết thuê". Anh cho rằng từ lâu rồi những người viết thuê từng cầm bút tranh đấu cho mọi giới riêng giới của mình tại lại không tranh đấu được gì. Do đó đã có những tình trạng người viết thuê bị những thiết thời đôi khi bị sa thải vô lý. "Hội những người viết thuê" sẽ tranh đấu cho quyền lợi của anh em cầm bút. Theo anh Nguyễn Vũ : "Hội những người viết thuê" gồm có nhà văn, tổng thư ký, thư ký tòa soạn, ký giả, biên tập viên của nhật báo, tuần

báo, báo định kỳ. Tóm lại là tất cả những ai làm công bằng nghề viết thuê sẽ là hội viên của "Hội những người viết thuê". Anh kêu gọi anh em tham gia tích cực ở phút đầu để Hội sớm hoạt động.

SINH HOẠT VĂN NGHỆ TẠI PLEIKU

Anh Hoàng Trần từ Pleiku gửi thư về cáo biệt sinh hoạt văn nghệ trên lý bằng kim. Tuy ở xứ nắng bụi mưa bùn nhưng vẫn không thiếu những đêm hát nhạc, đọc thơ. Nội trong 2 tuần lễ đầu tháng 6 đã có đến ba đêm đọc và phát hành thơ.

Ngoài ra anh Kim Tuấn đã về làm ở đài phát thanh Pleiku để cho cái đời chương trình đỡ lăm. Bên đài Quân đội Quân khu 15, anh Kim Tuấn giữ cả phần văn học nghệ thuật tới thứ Hai và phần đọc văn tới thứ sáu.

Như vậy là từ nay không khi sinh hoạt văn nghệ Pleiku chắc chắn sẽ sôi động nhiều. Mong anh Hoàng Trần chịu khó cho tin về thường xuyên để K H loan cho anh em ở các nơi cùng biết và cùng chung vui.

2 QUYỀN SÁCH MỚI CỦA NHÀ LỬA THIÊNG

Có thể nói gần đây Nhà Lửa Thiêng được xem như một nhà xuất bản chuyên đặc biệt về sách Đại học. Riêng ở đầu tháng 7-71 này Nhà Lửa Thiêng đã cho phát hành 2 quyển

ĐIỀU LỆ

CUỘC THI ẢNH "THẾ GIỚI CỦA TRẺ EM"

1) Cuộc thi lấy đề tài : "THẾ GIỚI CỦA TRẺ EM". Tất cả những hình ảnh thuộc về trẻ em đến khoảng 12 tuổi.

2) Cuộc thi mở cho mọi người, không phân biệt quốc tịch và tuổi tác.

3) Mỗi tác giả được quyền tham dự 1 hoặc vài cả các loại ảnh. Nhận viên ban chấm giải, ban tổ chức và gia đình không được tham dự cuộc thi.

4) Không hạn chế số tác phẩm tham dự cho mỗi tác giả.

5) Không nhận dự thi những ảnh đã từng giải trong các cuộc thi quốc nội.

6) Cuộc thi gồm có các loại và kích thước như sau :

7) A — Ảnh đen trắng — từ 18 x 24 trở lên.

B — Ảnh màu — từ 13 x 13 trở lên.

C — Phim dương bản màu (slide) — 24 x 36, vỏ khung cũn vẹn.

D — Ảnh Polaroid đen trắng — y cỡ : 10 x 15.

7) Người tham dự chịu trách nhiệm trên tác phẩm dự thi.

8) Sơ mỗi ảnh, ảnh ghi rõ :

Loại :

Số thứ tự :

Đề tài :

Tên tác giả :

Địa chỉ :

9) Phim dương bản (slide, diapositive) vẫn tuân theo điều 8, nhưng cần ghi dấu phía trên, bên mặt để khi chiếu hình sẽ thuận như ý tác giả muốn.

10) Tất cả ảnh và phim đều tham dự có thể gọi chung trong 1 phong bì. Cần lót giấy cứng để khỏi bị gãy hư ảnh. Ngoài phong bì ghi rõ :

Ảnh Tham dự Cuộc Thi "THẾ GIỚI CỦA TRẺ EM"
Lê Văn Khoa, Hộp thư 453, Saigon

11) Thời hạn chốt nộp ảnh : 18 giờ ngày 30-9-71 tại địa chỉ :

12) Nơi nhận ảnh :
— Hộp thư 453, Saigon
— 78 Lê Lợi, Saigon
— 42 Hoàng Hoa Thám, Gia Định

— Đồng Nai, Nha Trang
— 51 Phan Thanh Giản, Đà Nẵng
— 88 Minh Mạng, Đà Lạt
— 80 Bến Trung Trắc, Phan Thiết

— 3 Phan Thanh Giản, Cần Thơ
13) Kết quả sẽ được thông báo cho từng tham dự viên.

14) Ban tổ chức dành trọn quyền in lại và triển lãm bất cứ nơi nào, các tác phẩm trúng giải hay không trúng giải với mục đích phổ biến nghệ thuật.

15) Sau khi triển lãm, các tác phẩm dự thi sẽ được hoàn trả tác giả. Tuy nhiên, ban tổ chức không chịu trách nhiệm trong việc hư hao hay thất lạc do đường giấy bưu điện.

16) Mọi chi tiết cần thiết xin liên lạc với

LÊ VĂN KHOA
"Thế Giới của Trẻ Em"
Hộp thư 453, Saigon

siêu mới. đó là : Phương pháp nghị luận và phân tích văn chương của GS Nguyễn Hiến Thu, học vấn uyên thâm. Cuốn thứ 2 là cuốn : Địa lý nghệ thuật Âu Châu (trừ Liên Xô và Đông Âu) của Ông bà giáo sư làm thành Liên.

Cả hai quyển sách đều rất hữu ích cho sinh viên và những người thích đọc và nghiên cứu.

CHUYỆN VỢ CHỒNG BỊ CẠNH TRANH BẤT CHÍNH

Và ngày viết Chuyện Cầm Đàn Bà anh Đặng Trần Huân nhiều lần than thở về chuyện bị nhiều báo lấy bài của anh đăng lại mà không in ra cũng chẳng thêm gửi cho anh một bản sao.

Lần này thì anh không than thở nữa mà đưa ra trước công lý. Số là khi Chuyện Vợ Chồng của anh được nhà Sáng Tạo xuất bản và cho bán vào đầu tháng 3 năm nay thì tới tháng này trên thị trường thấy xuất hiện cuốn Tiểu Lâm Vòng Quanh Thế Giới đề tựa tác giả là Trần Cười và không ghi tên nhà xuất bản. Tám mươi phần trăm số truyện hay trong cuốn sách mới in này trùng hợp với những chuyện đã in trong Chuyện Vợ Chồng của Đặng Trần Huân. Đọc giả nhận thấy ngay sự sao chép theo Chuyện Vợ Chồng. Không kể trường hợp hai truyện lấy nguyên văn trong Chuyện Vợ Chồng để in lại không sai một cái dấu phẩy.

AI LÀ AI ?

Trong mục Ai là Ai ? của tạp san nhiếp ảnh PSA, có làm bản thống kê tất cả các nhiếp ảnh gia có tác phẩm triển lãm trong 5 cuộc thi ảnh quốc tế năm 1970. Nhìn vào phần dành cho Việt Nam người ta thấy những nhiếp ảnh gia đã mang màu cờ quốc gia khải trương nơi hải ngoại gồm có : KHUU TỬ CHẤN NGUYỄN ĐÁ MẬU, TRẦN ĐẠI QUANG, LẠI HỮU ĐỨC, NGUYỄN NGỌC HẠNH của Hội Ảnh Nghệ Thuật, và HỮA VĂN BÀN, TRẦN NAM và ĐƠN HỒNG OAI của Hội Nhiếp Ảnh Tinh Võ. Riêng nhiếp ảnh gia TRẦN ĐẠI QUANG được liệt và bằng 50 nhiếp ảnh gia, triển lãm với số điểm trung bình cho nhứt thế giới trong phần bộ ảnh nghệ thuật đen trắng và NGUYỄN NGỌC HẠNH trong phần bộ màu.

LỚP HỘI HOA MIỀN PHÍ

Anh Lê Văn Khoa vừa cho biết thêm là Trung tâm Hội Hoa Thiểu Nhi của anh đang chuẩn bị mở một lớp Hội hoa miền phí cho các trẻ em bị tàn phế vì chiến tranh. Vậy những em nào có khiếu về Hội hoa, hoặc thích vẽ nên liên liên lạc gấp với Trung tâm qua địa chỉ Ô. Lê Văn Khoa, hộp thư 453 Saigon. Đây là một chương trình rất đáng được hoan nghênh của Trung tâm Hội Hoa Thiểu nhi. Mong rằng ngoài việc sống của Trung tâm sẽ còn nhiều vụ hảo tâm ủng hộ chương trình này. Có tin tức gì mới chúng tôi sẽ loan thêm.

CUÔNG NHÂN



KINH CÁC ĐĂNG

Các 'đăng' sao mà kẻ quá ơai ?
Đặc quyền xưa cũ tiểu dài dài
Hòn phân Cú Diêm chằng không thum ?
Nước tiền bà Nhu chắc có khai ?
Sóng gió, nguy nan, ông nọ gánh !

Thử rồi, bèo hồ, đồng nào nhai ?
Tám năm, có đủ xanh mỡ rui
Xác chết người xưa, chớ bói hoài !

MỆNH PHỤ THỜI NGUYÊN TỬ

Trên lầu nặng chiu tấm khăn tang
Nhiều đăng phu nhân đã vôi vàng...
Bất kể cao, lùn, mỏng dòn phịch.
Không phân già, trẻ, ngực nhồi căng
Phu nhân động cỡn thêm trau chuốt
Quả phu hồi xuân một đêm trang
Mang ca Mè kia đang mấp máy (1)
Tiết trinh, xin đổi mà đăng chàng

(1) Ca dao : " Chàng chết còn chưa đoạn tang
Cái 'đ' đã mấy như mang cá kình.

Ngoài ra lớp Hội hoa Thiểu nhi từ 6 đến 12 tuổi của Trung tâm đã khai giảng hôm 4-7, tuy nhiên lớp vẫn tiếp tục thu nhận học viên vào mỗi sáng Chúa nhật tại Trung tâm trường Cơ Đốc đường Cách Mạng.

HÁT CHO MƯA BAY TRONG LÒNG NGƯỜI

Chương trình thơ nhạc với chủ đề "Hát cho mưa bay trong tình người" được tổ chức vào ngày 8-7-1971 tại Âu Cơ 11A Võ Tánh do Hà Vũ Giang Châu, thực hiện.

Đây là một chương trình thơ nhạc thứ hai đáng kể nhất trong không khí văn nghệ lãng mạn ở Huế mấy tháng vừa qua.

Hát cho mưa bay trong tình người là hát cho cô đơn và đau thương, hát cho bè bạn, cho những người tình và cho quê hương diêu dặt. Chúng tôi gặp HVGC và được anh cho biết nỗi khổ tâm nhất để thực hiện chương trình này là vấn đề "điện".

Nhà đèn hay cúp đèn miên, đang khi trình diễn bỗng điện cúp đành phải ôm đàn hát lớn... rồi điện sáng chưa đầy 10 phút đã mất lại.

Tuy nhiên với sự cố gắng đến mức tối đa, chương trình HCMBTN đã thu được 1 kết quả đáng kể trong sinh hoạt văn nghệ ở Huế.

(LNM ghi)

TÁC PHẨM THỨ 12 CỦA NGUYỄN VŨ

Nhà sách Khai Trí vừa cho xuất bản tác phẩm thứ 12 của nhà văn Nguyễn Vũ cuốn "Mở hồi mủ dõ" tức đời pháo thủ 2 (?) "Mở hồi mủ dõ" là những lá thư nối tiếp nhau thành một kỷ sự của người phương xa gửi về cho Thanh Ái, cô em gái ở xứ An Giang xa mù kể chuyện "ông linh thần lẫn cực dưới Nguyên Vũ".

Tác phẩm đầu tiên của Nguyễn Vũ xuất hiện vào năm 1966, cuốn "Những chiến sĩ sinh lý". Và đến nay tác phẩm thứ 12. Cuốn truyện được chú ý nhất của anh là cuốn trường thiên tiểu thuyết "Vòng tay lửa". Trong những tác phẩm đã xuất bản của Nguyễn Vũ, nhiều cuốn đã tái bản lần thứ hai, thứ ba. Đây là một thành công đặc biệt của những người trẻ viết văn hôm nay.

MỘT LẦN VỀ THĂM

"Một lần về thăm" là tập truyện ngắn của Trần đình Thái gồm 7 truyện ngắn. "Một lần về thăm" là tên truyện cuối cùng của cuốn truyện. Đây là tác phẩm thứ 2 của Trần đình Thái. Tác phẩm đầu là cuốn "Rời Rời" xuất bản năm 1970 do Văn Hóa xuất bản. Cuốn này do Huỳnh văn Trí xuất bản.

Trần đình Thái sinh năm 1946 tại Bình Định, đã đăng thơ, văn, tham luận trên Phở Thông, Quần Chúng, Cấp Tiến, Khởi Hành, Tiếng Nói Dân Tộc, Tin Vực, Đời, Thần Phong v.v..

ĐẶNG TRẦN HUÂN

KỶ NIỆM 100 NĂM MARCEL PROUST

Năm 1871 nhà văn Marcel Proust ra chào đời, ngày 10 tháng 7, tại một làng nhỏ tên Illiers cách thủ đô Ba Lê chừng hơn trăm cây số. Làng hẻo lánh thưa dân cư, chừng hơn 5.000 người.

Năm nay nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhật của nhà đại văn hào của người Pháp cái làng bé nhỏ này trở nên nhộn nhịp khác thường. Xe lửa, xe buýt, xe du lịch đồ nườm nượp du khách về sinh quán của Proust.

Lúc còn sống, Marcel Proust đã viết về sinh quán của mình trong cuốn tiểu thuyết trường giang "A la recherche du Temps perdu" (Đi tìm một thời đã mất), và đặt cho một cái tên giả tưởng là Làng Combray.

Năm nay để kỷ niệm nhà văn danh tiếng làng Illiers được chính thức đổi tên là Illiers Combray. Thật, giả ư huê.

Nói tới sinh nhật nhà văn nước người lại nhớ tới kỷ niệm của nhà văn nước ta. Mỗi đây ông Quốc vụ Khanh cũng là chức ông viếng mộ nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Kể ra cũng là diễm đáng khen. Mặc dầu buổi lễ ở nước ta thường thường qua quai ch nhiều hơn du khách, nhiều hơn dân chúng ngoại trừ những người dân được thúc bách tham dự lễ.

Thời buổi chiến tranh nghĩ đến văn hóa như thế là quý rồi còn đòi gì nữa.

THÊM MỘT CUỐN SÁCH CỦA WALT DISNEY

Nhà Hachette Pháp cho ấn hành thêm một cuốn sách nhi đồng bằng tranh mà chắc chắn trẻ em nước nào cũng thích thú. Bởi vì tác giả là Walt Disney, một cái tên có uy tín đối với trẻ em và cả người lớn nữa.

Sách dày 176 trang, bản 25 quan, gồm nhiều tranh và ảnh đủ màu về các động vật trên trái đất từ những con vật nhỏ như ong, kiến, chim muông tới voi, ngựa, v.v... Kèm với tranh ảnh cũng có bài giải thích ngắn và dễ hiểu.

Cuốn sách mang tên "Thế giới kỳ diệu của loài động vật" (Le Monde animal et ses merveilles).

THIÊN ĐÀN CỦA MOROVIA

"Le Paradis" (Thiên đàng) là một tập truyện ngắn của nhà văn Ý Alberto Moravia, gồm 34 truyện. Văn với giọng văn nhẹ nhàng đôi khi khôi hài ý nhị, Moravia nói về đủ mọi vấn đề của xã hội hiện đại.

Sách dày 288 trang, giá 22 quan.

LOVE STORY HẾT THỜI Ở NƯỚC NGƯỜI

Cuốn tiểu thuyết "Love Story" của Erick Segal bán chạy ào ào tại Mỹ; rồi tại Pháp. Cuốn sách này đứng trong danh sách mười cuốn sách bán chạy nhất liên miên nhiều tháng.

Nhưng rồi tại Mỹ, Love Story đã bị nhiều cuốn sách khác loại ra khỏi hàng ngũ. Lest seller. Bây giờ tới lượt Love Story, bị loại tại Pháp. Mấy tuần nay không còn thấy tên Love Story trên danh sách best seller tại Ba Lê.

Riêng tại Việt Nam, bản dịch "Chuyện Tình" của Phan lệ Thanh vẫn còn ăn khách và đã tái bản. Lần này do nhà xuất bản Sống ấn hành sạch sẽ và mỹ thuật hơn ấn bản lần đầu của nhà xuất bản Hoa Năng.

Đã phát hành :

DU VANG

NGHỆ THUẬT

(Tiểu luận II thuyết phê bình thi ca).

Của TRẦN NHỰT-TÂN

ghi nhận



phùng khoát

TRONG vòng mấy năm nay, càng ngày càng cuốn cuộn dâng đầy, cái trào lưu xài những chữ « Đỉnh » và « Hồng ». Từ tên nưong ca khúc cho tới những lời nhạc, từ nhan đề ngoài bìa đến những bài thơ trong các thi phẩm, từ các nhật báo đến các tạp chí, từ những tờ quảng cáo báo mới sắp ra mắt, văn văn và văn văn, nhìn thoáng qua đâu tôi cũng thấy những chữ « Đỉnh » to nhỏ đủ cỡ, đủ màu sắc sỡ, đủ kiểu chữ, viết in viết hoa hay viết thường, những chữ « Đỉnh » như những lời gọi, như những tiếng chuông ngân gióng đã, như những mời mọc hay xô đẩy thúc giục. « Đỉnh », những chữ « Đỉnh ». Gì vậy ? À ! Những « đỉnh tin yêu », « đỉnh bình an », « đỉnh tuyệt vời », « đỉnh hoang vu », « đỉnh mơ màng », « đỉnh cô đơn », « đỉnh tam mê »... Sao lại « đỉnh », sao lại nhiều « đỉnh » thế ? « Đỉnh » như đỉnh núi, chóp núi, chỗ cao tốt cùng, ao chót vót, chỗ cao nhất của một ngọn núi cao vút. « Đỉnh » đây là « đỉnh » theo nghĩa đó. Những đỉnh cao với vọi đã có từ muôn xưa, sao gần đây, sao nay mới được triệt để khai thác, mới được nhìn ra và sử dụng chữ để chỉ về nó một cách ồ ạt đến thế ? Tại sao trong hầu hết những hình thái biểu hiện của ngôn ngữ và văn nghệ bây giờ, « đỉnh » lại trở thành hình thái dễ nhận thấy nhất, dễ khiến gọi nhất như vậy ? Nói tóm lại, tại sao « đỉnh » (hay « những đỉnh ») lại đang ám ảnh người ta ở xứ này quá chừng thế nhỉ ?

Sự xuất hiện ồ ạt, sôi nổi và đều đặn, thường xuyên đến độ nhàm chán, của chữ « đỉnh » trong mọi diễn tả thuộc lãnh vực sinh hoạt tinh thần ở miền Nam này, ngày nay, thực ra không phải là một điều kỳ bí khó hiểu gì đâu. Nó là sự lên tiếng không ngừng trong một giai đoạn, sự lên tiếng to lớn và đòi hỏi của tinh thần. Nó là sự biểu hiện một thái độ trước xã hội, trước đời sống. Xã hội của chúng ta hôm nay đang nháo nháo hỗn độn, đang suy sụp, đang lam tiêu mà dần dần những giá trị cao vời mà chúng ta đã tưởng là vĩnh cửu. Xã hội của chúng ta đang tan nát, đang sa sút, đang lao mình xuống dốc. Thế nên tâm hồn lãng mạn muốn chạy trốn khỏi trạng huống tiêu trầm của xã hội, đã phải cố vươn lên vượt thoát khỏi sức lôi kéo xô đẩy xuống cuối dốc. Tâm hồn muốn bay bổng khỏi sức tri chiết của xã hội nặng nề, đã phải nhìn hướng lên cao, mơ tưởng những đỉnh non cao vút, khi trước mắt là cảnh sụp đổ đang muốn ập xuống mình, chúng ta luôn có khuynh hướng tìm một « đỉnh bình an », hẳn có thể. Đời sống này, ở đây, bây giờ, đang thất tán, đang rơi rớt, dưới sức đè nặng của cơ giới, của sự vật rậm rạp, đặc đầy, nên tâm hồn người ta khao khát một « đỉnh » cô đơn » cho được một mình thoải mái, yên thân. Trong cái thế giới của những chia lìa, những đoạn tuyệt, những ngờ vực, những lãng quên thấy đều là dấu chỉ của sự dừng đứng, sự phủ phàng, mà chúng ta dành cho nhau, một cách lạnh lùng hay chua chất, bằng gươm hay mìn mai, thì hẳn « đỉnh tin yêu » sẽ phải là chỗ bám víu, là nơi trú ẩn cuối cùng của những tâm hồn vêu vỏi trong chúng ta, và « đỉnh đam mê » là mơ ước, là hoài vọng không nguôi nghỉ của những tâm hồn

thiết tha run rẩy. Tình yêu ngọt lịm sẽ là linh đan cứu tử những tâm hồn quần quai ngắc ngoải trong muôn vàn vô xé, đắng giât bởi cuộc đời thiên ma bách chiết này nên tình yêu — hơi rượu ngọt ngào chói sáng — sẽ choàng đời tay bao dung mẫu nhiệm ra mà ôm lấy những tâm hồn đang chết ngộp giữa đau thương đó, tình yêu sẽ đưa mỗi tâm hồn bay vút lên đến « đỉnh tuyệt vời », đỉnh riêng tư của tình yêu huyền diệu. Anh đưa em lên đến đỉnh tuyệt vời, lời hứa hẹn nào trong cơn tình ái mê man, trong giấc mơ đời xanh tươi ngấn ngát những tương lai. Đó chính là một « đỉnh mơ màng », trong cuộc mơ màng đào thoát khỏi những vấy hăm của muôn trùng thực tế phũ phàng, của hằng hằng đau thương không dứt, của cuộc sống thể lương với màu tà dương xám ngắt nhuộm mặt người tang hải. Nhưng cũng có thể trong cuộc lần mặt không thành, trong chuyến mộng phiêu du không đạt của hồn người, cơn thất vọng sẽ hiện hình thành bóng dang dật dờ, hồn sẽ thấy mình lạc loài bơ vơ hơn bao giờ hết giữa cái thế giới lúc nhúc những kẻ lạ mặt, âm ỉ những tiếng động vô nghĩa, hồn sẽ khám phá ra chính mình đang lơ lửng trên « đỉnh hoang vu » nhìn xuống trần gian tấp nập vui cười nổi những kịch cỡm...

Qua hiện tượng phức tạp và đa hướng của từ hoa « đỉnh » tôi nhìn thấy sự phân ly giữa ý thức và đời sống, thấy sự rạn nứt mà tâm hồn mở ra giữa lòng thực tại : tâm hồn không chịu đựng được sức nặng của thực tại, nó buông rời thực tại để tìm lối thoát thân. Ý thức đoạn tuyệt với đời sống, ý thức khốn khổ bất lực trước sức nê tung của cơ cấu xã hội kỹ nghệ, trong đó mọi hình thái sinh hoạt đều bành trướng và đẩy lui ý thức, nó đành nhảy vọt lên một đỉnh cao mơ ước để tìm niềm an ủi sau khi đã nhận rõ nỗi lẻ loi của mình.

DỈNH VÀ HỒNG

Nghĩa là ý thức đang thiếu sự gắn bó keo sơn với đời sống, thiếu sự kết hợp khoẻ khoắn giữa tâm hồn và thực tại. Tâm hồn đang khắc khoải tìm vưon lên khỏi xã hội ngột ngạt. Ý thức đang bệnh tật chạy tìm phương thuốc cứu nguy trong niềm lãng quên đời sống. Tất cả sức sống đang lể tràn lan tưới mát tuôn trào vào nhân giới, nay đang ngưng đọng, co rút lại và ẩn mình trên một đỉnh xa vời. « Đỉnh », đích điểm của cơn đường thoát ly sau cuộc hôn nhân thất bại giữa tâm hồn và thực tại, sau cuộc công tác bất thành giữa ý thức và đời sống ; « đỉnh », nơi ẩn náu của những kẻ thất bại : Nó là một cảm đồ khốc liệt ở đó ý thức sẽ tự chôn vùi mình và tâm hồn sẽ thả lỏng cuối những hơi thở không đời sống.

Những hơi thở không đời sống... Nhưng liệu có bao giờ, có bao giờ lấy lại được đời sống tiếp xúc cho tâm hồn, có bao giờ cảm đồ lần trở hết còn mê hoặc-đây ý thức, có bao giờ đời sống thật sự hiện ra tươi tắn khoẻ khoắn trên khuôn mặt ý thức, trong lồng ngực tâm hồn ? Câu hỏi phải được đặt ra ở đây không phải vì thực chất của vấn đề đã gọi nên nó, nhưng vì sự sử dụng danh từ « đỉnh » đi song song với sự vận động một ý nghĩa cho hạn từ « hồng ». Liệu có « hồng » thật không, có « hồng » nổi không, « hồng » có phải là sự quên rũ trước mắt của cuộc đời để lôi kéo những tâm thức đào thoát lên những « đỉnh », trở về với thực tại không ?

« Hồng » trong những tiếng « nỗi hồng », « xuân hồng », « những ngày hồng », « nắng hồng », « môi hồng », « những mảnh đời hồng », « tuổi thơ hồng », văn văn nghĩa là « hồng » đang được dùng như một tính từ để chỉ trạng thái của sự vật (và của con người). « Hồng » — danh từ — là hoa hồng và màu hồng mà « hồng » tính từ ở đây thì lại được dùng để gọi ra những gì có đặc tính của hoa hồng và của màu hồng : « hồng » hiểu như tươi tắn như rực rỡ, như bừng nở, như trẻ

trung... « Hồng » : màu đời, « hồng » được ngát hương thơm, « hồng » tươi vui chào đón, « hồng » kêu gọi những trở về hân hoan tràn ngập tâm hồn. ĐỜI HỒNG, đời quên rũ, đời mê hoặc, đời yêu thương tha thiết, đời rộng mở mời gọi, đời như một giấc mơ hoa đẹp ngọt. « Hồng » đem sức sống bừng bừng lại cho những huyết quản đang khô dần, « hồng » cũng là màu màu tươi thắm từ tìm đi khắp ngã trong thân thể, đem lại niềm vui hồn nhiên khoẻ khoắn đầy tin yêu hướng về đời đang nhộn nhịp nơi nơi. « Hồng » trong ý nghĩa sâu xa nhất là biểu thị của lạc quan trong cái ngược nhìn rạn rở với tất cả.

Cái nhìn mang sắc thái của « hồng » là cái nhìn nhuộm thấm những gì đang héo úa, phủ màu tươi lên đen tối, xóa mờ những cảnh điêu tàn, hàn gắn mọi đau thương, làm hồi sinh những gì đang rũ chết trước mắt. « Hồng » biểu trưng niềm hy vọng và nó càng thấm cho hi vọng càng mãnh mẽ.

Nhưng, « hồng » cũng chính là tấm màn huyền ảo mà tâm hồn lãng mạn cố dang ra trước mắt, ngăn cái nhìn thấu suốt lạnh lùng vào thực tại, tạo ra những ảo tưởng mơ màng, những hoài vọng miên man niềm huyền tưởng. Có thực còn gì là « hồng » đang nở rực đời tươi, bây giờ, khi mọi sức mạnh được để cao trong xã hội này đang hội tụ để làm nở bung mọi mơ ước và tâm thường nhất, để phá tan hoang những nơi trú ẩn cuối cùng của những tâm hồn, liên diu hơn hết, để tiêu hủy mọi lâu đài giá trị cổ truyền đã dựng nên ngổ sống tinh thần của chúng ta từ mấy ngàn năm ? Có chắc còn gì là « hồng thắm » thật không khi trước mắt chúng ta, xung quanh chúng ta, hôm nay, toàn những hoang tàn đổ vỡ, toàn những chết chóc đau thương, toàn những nghẹn ngào cay đắng ?

Những hình thái nhỏ trong cảnh huống tang thương thế thâm của những tâm hồn tê dại điên cuồng giữa não động từ thôn dã đến thị thành, những hình thái nào ở đó có thể biện minh cho ảo tưởng « hồng » mà từ tưởng cổ bầy ra để lãng quên mình đang chết điếng và lẩn quên đời đang quay cuồng lao đảo trong vũ khúc mê man của thần chết và bè lũ ?

« Hồng » si là mê lị mà ở đó trí tưởng tượng còm cõi thâm hại đang lặn: hồng, đang dò tìm một lối thoát thân. Nó đã đánh mất bóng hình của mọi hiện tượng thực hữu vốn là người bạn dẫn đường cho nó.

Bao giờ tâm thức chúng ta mới thấy lại được những sản phẩm tinh thần ở đây một dấu, chỉ đích thực về đời sống ? « Đỉnh » và « hồng », chỉ là những chiếc bình vẽ mà những kẻ buồn mộng đang đem như những tâm hồn yếu đuối, những tâm hồn mỗi một cố nhào mình ra khỏi thực tại xã hội càng ngày càng tàn chiết. Ý thức chấp nhận « Đỉnh » và « hồng » như thực tại là ý thức, nan trả đang gắng tự lừa mình và lừa kẻ khác.

Những « đỉnh » và « hồng », những « tình » hay « hồng » chỉ là lời ru lạc giọng đang gượng gạo kéo dài trong trạng huống thể lương của xã hội này, như đôi bàn tay xanh xao gầy guộc run lay bây giờ đang cố làm một cử chỉ vuốt ve hai mí mắt để xui những giấc ngủ yên trong khi hai mí mắt chúng ta vẫn đang mở trần trong thao thức kinh hoàng vì những tiếng đời vẫn tiếp tục ầm vang đập phá xung quanh. Những « đỉnh » và « hồng » thiết yếu không phải là những dấu chỉ về thực tại mà chúng ta đang sống trong ngày tháng triền miên. Chúng bắt quả chỉ là hai điểm son trên một tờ giấy ô mờ rộng bao la, hay là những hạnh ngộ tình cờ và thoáng chốc mà tâm thức bao người vẫn đang cố gắng kéo dài bằng hoài tưởng ủ hương, bằng mơ mộng bằng hoàng. Δ

MÂY VẤN ĐỀ VĂN NGHỆ: VŨ HẠNH

TRONG tình trạng văn nghệ Việt Nam bây giờ, sáng tác ồ ạt, được nhìn thấy qua những gian hàng sách muôn màu sắc sỡ với những tấm bìa như mắt bọ ngoài những xấp giấy dày cộm được đóng lại và cắt xén cầu thủ, bên cạnh những cuốn sách dịch đủ loại nhất là loại phổ thông, truyền bá kiến thức nhập môn vào các lãnh vực văn chương và triết học Âu Mỹ Nhật..., quả thực những tập luận thuyết văn nghệ do người Việt Nam ta viết về và cho văn nghệ Việt Nam là những (trông đời) mồi mìn của kẻ ham tìm hiểu văn nghệ dân tộc, tra dò hỏi những «ny tư cá nhân» đọc đáo trong tình trạng hỗn độn ở xứ này. Những cuốn sách lý luận về văn nghệ dịch thực của người làm văn nghệ đã vắng bóng từ lâu tại miền Nam Việt Nam. Còn những cuốn sách sao chép, cộp nhặt các dữ kiện văn nghệ ngoại quốc và nhất là lặp lại những lý luận của các học giả và những nhà phê bình văn nghệ Âu Tây thì vốn chẳng đến nỗi thiếu vắng, chúng xuất hiện song song và được xếp ở dưới những cuốn sách dịch, khác nhiều. Bởi thế sự ra đời của cuốn sách «Tìm hiểu văn nghệ» do một người làm văn nghệ đã có tiếng là ông Vũ Hạnh viết, đã được chào đón bởi giới độc giả ham tìm hiểu ở đây bằng tâm nhiệt tình không thể chối cãi.

Cuốn «Tìm hiểu Văn nghệ» thuộc loại luận thuyết, phân tích ý nghĩa và các kích thước của văn nghệ từ nội dung đến hình thức, rồi xác định đường hướng mà tác giả tin là khả hữu duy nhất, hơn thế nữa là bắt buộc tuyệt đối mà người làm văn nghệ không thể chối bỏ, không thể không theo.

Ruột cuốn sách «Tìm hiểu văn nghệ» từ trang 8 đến trang 164, được chia ra làm 9 tiết mục, với 9 tiểu đề theo thứ tự được kể như sau: Văn nghệ, một hình thức ý thức, chức vụ cao cả của văn nghệ, văn nghệ tác động như thế nào, văn nghệ phản ánh bản chất thực tại, Bên trong văn nghệ sĩ và bên ngoài cuộc đời. Một số biểu hiện tiêu cực trong văn nghệ. Hình tượng trong văn nghệ. Hai chân bốn cẳng, và Thạch Sanh, nghệ sĩ số một. Thực ra từ đầu đến cuối cuốn sách chỉ chú trọng phân tích và ấn định đường hướng của văn chương, còn những hình thái biểu hiện khác của văn nghệ sĩ như hội họa, điêu khắc, kiến trúc, âm nhạc, các nghệ thuật trình diễn văn và, không được tác giả đặc biệt dành cho một mô tả, một phân tích hay một chỉ định nào như ông đã làm cho văn chương. Do đó danh từ «văn nghệ» đã vượt khỏi tầm vóc của cuốn sách mỏng manh này. Nhưng ở đây, để tránh mọi biện biệt rắc rối trong mỗi chi tiết của vấn đề, tôi tạm dùng lẫn lộn hai danh từ «văn nghệ» và «văn chương», coi chúng hoàn toàn đồng hóa với nhau, như tác giả đã quan niệm, cho tiện việc bàn luận. Còn một điều nữa đáng ghi nhận về cuốn sách này là tuy nó mang nhan đề «Tìm hiểu văn nghệ» nó không có vẻ là một cuốn sách nhằm dung mục tiêu «tìm hiểu văn nghệ», hay hướng dẫn độc giả tìm hiểu văn nghệ, mà nó chỉ nhằm đưa ra những nhận-dịnh khẳng quyết của tác giả dựa trên một quan điểm xã hội và chính

trị rõ rệt ngay từ đầu cuốn sách, đồng thời tác giả muốn chỉ đạo cho những người làm văn nghệ theo một lập trường dứt khoát, hơn là tìm hiểu công việc của người làm văn nghệ một cách khách quan hay chủ quan, sự «tìm hiểu» thực sự không có, chỉ có những phán đoán tiên quyết và tiền định đối với công việc của văn nghệ sĩ. Ở đây tôi nói rằng phán đoán của tác giả có tính cách «tiền định» chứ không «tất định» vì «tất định», có giá trị khoa học, được thiết lập theo những qui luật chính xác và chặt chẽ trong khi «tiền định» mang màu sắc tôn giáo, dựa dựa vào sự tin tưởng vô căn cứ. Quả thực theo dõi hết cuốn sách, người đọc thấy rõ là tác giả sùng bái xã hội chủ nghĩa và tôn thờ nghệ thuật «hiện thực phê phán», như một tin đồ (cuồng tin nữa!). Thế nên, tác giả không phải là một học giả dân người đọc đi «tìm hiểu văn nghệ»; cũng chẳng phải là một người say mê văn chương chữ nghĩa đi tìm hiểu nó, như nhan đề — đã gọi ra cho là thấy. Tác giả là người tuyên truyền cho một chủ nghĩa chính trị đầy những tin đồn như một tôn giáo và ông muốn chụp những tin đồn đó lên đầu văn nghệ sĩ.

Trước hết, tác giả cho rằng «chính điển làm nên vinh quang, tiến bộ của loài người là công trình của ý thức» (trang 10), nhưng ý

nguyên nhật duật

thức là gì và do đâu mà có? Tác giả trả lời: ý thức là «một khả năng riêng-biệt của người, đã được xây dựng nhiều đời, bởi nhiều con người góp lại» (trang 10), hoặc rõ hơn nữa (và cũng lộ rõ hơn nữa sự mâu thuẫn trong quan niệm của tác giả): «ý thức tuy sản trong mỗi cá nhân nhưng là công trình xã hội» (trang 10). Dù ý tưởng được trình bày một cách mạng về mâu thuẫn, nhưng cũng đủ cho thấy tác giả theo chủ thuyết duy nghiệm về nguồn gốc của ý thức và nhân thức, một thứ chủ thuyết duy nghiệm sơ đẳng, sáo rỗng, thứ đọc tiếp dễ thấy rõ hơn một lần nữa: «những sự hiểu biết của mỗi cá nhân là kết quả của ngàn đời xây dựng» (trang 11). Từ quan niệm duy nghiệm về ý thức và nhân thức, tác giả đi tới nhận định nặng ảnh hưởng Mác Xít về văn nghệ: «Văn nghệ tóm lại, là một hình trạng ý thức xã hội mà sự biểu hiện phải được nhận định trên cái tương quan nhân quả với lại sinh hoạt, và trên tương quan hỗ tức với các loại hình trạng khác» (trang 17-18), bởi «cá nhân ở trong xã hội không sống như những thực thể trừu tượng, độc lập mà được thanh bịnh một cách cụ thể có những tương quan thiết yếu, nhất định, trong những hoàn cảnh nhất định» (trang 12). Tương quan thiết yếu, nhất định, hoàn cảnh nhất định, tương quan nhân quả giữa cá nhân với lại sinh hoạt xã hội, văn văn, là những ý niệm được xây dựng bởi chủ thuyết Mác Xít về con người. Đồng thời trong chương đầu của cuốn sách, tác giả cũng còn khẳng định: «Trong xã hội phong kiến nếu nền văn chương bác học xét về căn bản là của tập đoàn thống trị, thì những ca dao, tục ngữ,

tiểu lâm, xét trên căn bản là của đông đảo bình dân, mặc dầu trong một mức độ nào đó không thể không có những sự chi phối lẫn lộn ít nhiều giữa hai nền văn học ấy», (trang 17). Khẳng định này rút từ từ quan điểm Mác Xít về con người như đã nói ở trên và minh thị quan điểm của duy vật sử quan về văn nghệ, dựa trên lý thuyết về đấu tranh giai cấp và tương quan biện chứng giữa ý thức của hai giai tầng thống trị và bị thống trị. Vậy là qua một loạt những xác quyết đã hiện rõ lập trường xã hội và văn nghệ của tác giả, một người muốn trở thành một lý thuyết gia Mác Xít về văn nghệ tại miền Nam Việt Nam bây giờ qua cuốn «Tìm hiểu văn nghệ».

Ở chương thứ hai của cuốn sách, tác giả đề cập đến «chức vụ cao cả của văn nghệ», xác định rằng văn nghệ dùng «hình tượng» nghệ thuật, vừa có tính cách tập trung vừa có tính cách tiêu biểu, làm «căn bản cho sự truyền đạt cảm xúc», để diễn tả thực tại, để diễn tả thực tại, để thể hiện sự sống. Nhưng thể hiện để làm gì? Để «cải tạo sự sống», để «xây dựng xã hội» (các trang 43, 44) và, cụ thể hơn nữa: «vi người văn nghệ không thoát ly được dân tộc của mình, nên ta chống lại tất cả những biểu hiện nào đầu độc quần chúng, phản bội xứ sở, bôi nhọ truyền thống tốt đẹp của giống nòi ta» (trang 44). Nghĩa là người văn nghệ sĩ có «trách nhiệm nặng nề đối với xã hội» (chữ của tác giả), phải dùng văn nghệ làm khí cụ tranh đấu cho xã hội, «để cao những ý thức tốt... biểu lộ tâm lòng tha thiết đối với công bằng, dân chủ, tự do, là những tình tự, ý nghĩ của văn nghệ sĩ trên đường cải tạo sự sống» (trang 47). Đồng thời, trên quan điểm xây dựng xã hội, tác giả đã kích những chủ trương «vô trách nhiệm», những thể hiện văn nghệ thoát ly đời sống, những đòi hỏi tự do cá nhân, những xu hướng phơi bày cái xấu xa, đề cao sự dâm ô thác loạn. Tác giả cho rằng tất cả những thể hiện đó là đòi truy, tạo nên những ảnh hưởng không tốt đối với xã hội, khiến người thường ngoan nghệ thuật bị hư hỏng và «dễ trở thành một phần đông lực đối với mọi sự kèn đòi cải cách tiến bộ, cũng như mọi thứ lý tưởng tốt đẹp» (trang 41).

Hơn nữa, để kêu gọi sự trở về với tình tự dân tộc, tác giả kịch liệt đã kích những văn nghệ phẩm chức ảnh hưởng ngoại lai, (trang 45).

Đối với tác giả của «Tìm hiểu văn nghệ», thì «văn nghệ phục vụ cuộc đời bằng lối trực tiếp là sự đóng góp của những công trình tác phẩm và lối gián tiếp là sự tiếp tay phần nào vào các trạng thái sinh hoạt» (trang 56). Do đó văn nghệ thiết yếu là sự tham gia vào đời sống tạo xã hội để tích cực góp phần cải tạo xã hội, truyền đạt tình cảm xã hội trong quần chúng thường ngoạn. Thế nên tác động của văn nghệ là tác động trực tiếp và sâu xa trong lòng đám đông. Tác giả viết: «Chính

xem tiếp trang 13

[*] «Tìm Hiểu Văn Nghệ», tác giả: Vũ Hạnh, nhà xuất bản: Tri Dân năm 1971, 166 trang, đề giá 180 đồng.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NGƯỜI DỊCH

Bị nhà cầm quyền Anh quốc vì nhiều nước khác, phiên nhiều không ngừng vì chủ trương đề cao đặc tính, được Henry Miller, Lawrence Durrell và nhiều người coi như một tiên tri, cùng với James Joyce và Virginia Woolf đi tiên phong trong công cuộc cách mạng hóa tiểu thuyết hiện đại, D. H. LAWRENCE trên hết và trước hết là một nghệ sĩ nghiêm trọng, mang nặng tính thần trách nhiệm đối với nhân loại. Allen, trong English Novel viết: « ông là một thi sĩ lãng mạn vĩ đại, sử dụng hình thức tiểu thuyết, truyện ngắn, thi phú, du ký và biên khảo để diễn tả sự phê phán nền văn minh hiện đại và viễn tượng về một cuộc sống tốt đẹp của ông. »

D. H. Lawrence nghiên cứu phân tâm học, thần học, sử học và khảo cổ học để vạch trần tình chất nghèo nàn của nền văn minh cơ khí. Cuộc đời là một cuộc sống trần trụi, mãnh liệt, hòa hợp với những bản năng sâu thẳm, với vũ trụ lồng lộng phóng khoáng là cung bậc trội vượt trong tiểu thuyết, thi ca, tác phẩm phê bình của ông. Không tin vào tâm trí, cực bậc của con người, D. H. Lawrence du lịch qua Nam Âu Châu, Nam Hải, Nam Mỹ, tìm kiếm những nền văn minh sơ khai, những xã hội nguyên thủy để củng cố niềm tin vào hạ bộ con người của ông :

« Tôi tin vào thực tại đương vật, và ý thức đương vật : một thực tại khác hẳn ý thức óc não bất nhân của chúng ta ngày nay »

Ông tuyên bố : « Tôn giáo tóm của tôi là niềm tin vào máu, vào thịt và vào máu và thịt khôn ngoan hơn trí não. Chúng ta có thể sai lầm khi suy luận bằng trí óc. Nhưng cái gì máu ta cảm, tin tưởng và nói thì bao giờ cũng đúng. »

Chúng ta đang sống trong một thời đại của ý thức hệ. Chúng ta bơ vơ lạc lõng không gốc rễ vì chúng ta sống trong những tình cảm giả tạo, hư ngụy, những thực tại không thực, những giả vấn đề, những nhu cầu giả tạo. Bởi thế, theo Lawrence, công việc của chúng ta bây giờ là phục hồi thần thể và thể hiện đặc tính. Vì đặc tính là yếu tố hơn nhất vĩ đại, giao kết lại những liên hệ một thiết giữa con người với tha nhân và vũ trụ mà khoa học đã phá hủy, để sống hòa hợp với cội nguồn phong phú nguyên sơ.

NGƯỜI TÌNH CỦA CHATTERLEY PHỤ NHÂN (LADY CHATTERLEY'S LOVER) là bức thông điệp của ông. « Tôi muốn những người đàn ông và đàn bà có thể nghĩ về đặc tính một cách trần trụi, hoàn toàn, lương thiện và trong sạch. Đó là trọng tâm của cuốn sách này. »

N. H. H

CHƯƠNG I

Thời đại chúng ta là một thời đại cốt yếu bi thảm, bởi thế chúng ta từ chối coi nó một cách bi thảm. Cuộc đại biến động đã xảy ra, chúng ta đang ở giữa những đổ nát, chúng ta bắt đầu xây dựng lại những nơi cư trú nhỏ bé mới, có những hy vọng nhỏ bé mới. Đó là một công việc khá nhọc nhằn: bây giờ không có con đường bằng phẳng nào dẫn tới tương lai: nhưng chúng ta đi vòng quanh hay bò qua những trở ngại. Chúng ta phải sống, thấy kệ biết bao nhiêu bầu trời đã sụp.

Ít nhiều, đó là hoàn cảnh của Constance Chatterley. Chiến tranh đã làm sụp đổ tất cả trên đầu nàng. Và nàng nhận thức rằng người ta phải sống và học hỏi.

Nàng thành hôn với Clifford năm 1917, khi ông được về nhà nghỉ phép một tháng. Họ có một tháng trăng mật. Rồi ông trở lại Flanders, để rồi được chở về anh quốc sáu tháng sau, ít nhiều tan tác, Constance, vợ ông, lúc đó hai mươi ba tuổi còn ông hai mươi chín.

Sự bám víu vào đời sống của ông thật phi thường. Ông không chết, và những mảnh vỡ có thể liên lại với nhau. Ông ở trong tay bác sĩ hai năm. Kể đó người ta tuyên bố ông đã được chữa khỏi, và có thể trở lại đời sống, với nửa phần thần thể, từ háng trở xuống, từ nay sẽ liệt mãi mãi.

Đó là năm 1920. Họ, nghĩa là Clifford và Constance, trở lại nhà ông, lâu đài Wragby, « thú phủ » của gia đình. Phụ thân ông đã chết, giờ đây Clifford là một nam-tước, Sir Clifford, và Constance là Chatterley Phụ Nhân. Họ trở về để bắt đầu quản trị nhà cửa và sống cuộc sống nền



nhân trong một tòa nhà khá hui quanh của dòng họ Chatterley, với một lợi tức không lấy gì làm dư giả lắm. Clifford có một người chị, nhưng bà ta đã ra đi. Ngoài ra không có bà con gần gũi nào khác. Người anh cả đã bỏ mình trong chiến trận. Quê quyết mãi mãi, biết rằng mình chẳng bao giờ có thể có con, Clifford trở lại nhà ở vùng Midlands một mù sương khói để duy trì tên tuổi dòng họ Chatterley chừng nào mà ông còn có thể.

Ông không hoàn toàn thất vọng. Ông có thể tự đầy mình trong một cái xe có bánh và ông có một cái xe có mui có một động cơ nhỏ, do đó ông có thể tự lái chậm rãi quanh vườn và vào một công viên đẹp và u buồn mà ông rất hãnh diện mặc dầu ông làm ra vẻ lãnh đạm khi đề cập tới.

Đã từng đau khổ quá nhiều.

cái khả năng đau khổ, tới một mức độ nào đó, đã rời bỏ ông. Ông giữ về xa lạ, linh hoạt và tươi tỉnh, có thể nói gần như vui tươi với khuôn mặt hồng hào, trông có vẻ khỏe mạnh. Với cặp mắt sáng thách đố, màu xanh nhạt. Vai ông rộng và mạnh, hai bàn tay ông rất khéo. Ông ăn mật đất tiên, thất cả vạt đẹp để hiệu Bond Street. Tuy nhiên trên khuôn mặt ông, người ta vẫn thấy cái nhìn dò xét, vẻ hơi trống vắng của một kẻ quê quặt tạt nguyên.

Cuộc đời ông gần như sắp mất trong đường tơ kẽ tóc, cho nên những gì còn lại đều vô cùng quý báu đối với ông. Quả thực người ta đọc thấy, trong ánh mắt sáng ngời lo âu của ông, ông kiêu hãnh biết là chừng nào, vì sau một cơn chấn động lớn lao như thế mà hãy còn sống sót. Nhưng ông đã bị thương nặng đến nỗi rằng có một cái gì đó trong ông đã hủy diệt, một tình cảm nào đó đã biến đi. Chỉ còn một cái trống vắng không cảm xúc.

Constance, vợ ông, là một thiếu nữ hồng hào, trông như thôn nữ với mái tóc nâu nhạt và một thân thể rắn chắc, và những cử động khoan thai, đầy năng lực hiếm có. Nàng có cặp mắt to, bờ ngõ, một giọng nói ngọt ngào dịu dàng, và có vẻ như vừa mới từ thôn làng quê hương tới. Nhưng không đúng như vậy. Thân phụ nàng, Sir Malcolm Reid, là một hội viên nổi tiếng của R.A. Hàn Lâm Viện Hoàng Gia). Mẫu thân nàng là

lý hẹp hòi, đầu óc tinh lý hẹp hòi quốc tế đi đôi với những lý tưởng xã hội thuần túy.

Các cô được gửi tới Dresden năm mười lăm tuổi, để học âm nhạc và những môn học khác. Và các cô có một thời sống vui tươi ở đấy. Các cô sống phóng túng giữa đám sinh viên, các cô bàn cãi về triết học, xã hội học và nghệ thuật với đám mây râu, các cô chẳng thua kém gì đàn ông: còn hơn nữa, vì các cô là đàn bà. Và các cô đi chơi trong rừng với những chàng thanh niên rần rờ mang lực huyền cảm, tinh tang! Họ hát những ca khúc Wandervogel (Lang thang trong rừng) và họ tự do. Tự do! Đó là một danh từ vĩ đại. Ngoài trời lồng lộng, trong rừng buổi sáng, với những thanh niên cường tráng và tốt giọng, tự do làm điều họ thích và nhất là — nói điều họ thích. Trò chuyện đáng kể nhất: đối đáp sôi nổi. Tình yêu chỉ là một sự phụ họa thứ yếu.

Cả Hilda lẫn Constance đều tập yêu năm họ mười tám tuổi. Những chàng thanh niên trò chuyện hăng hái, ca hát vang lừng và cắm trại với họ dưới bóng cây trong tự do như vậy, dĩ nhiên, đều muốn những liên hệ tình yêu. Các cô thiếu nữ lưỡng lự, như vì tình yêu được bàn đến quá nhiều nên chắc nó hẳn phải quan trọng lắm. Còn các câu con trai lại quá quý huy và van xin khao khát. Thử hỏi mọi cơ thiếu

NGƯỜI TÌNH CỦA CHATTERLEY PHỤ NHÂN

nguyên tác
D. H. LAWRENCE

Bản Viết Văn
HỒNG HÀ

một trong những hội viên Hội Fabienne (1) trong những ngày sung sướng xưa kia. Giữa những nghệ sĩ và những người theo xã hội chủ nghĩa học thức, Constance và chị nàng là Hilda đã nhận được một nền giáo dục có thể gọi là một nền giáo dục thâm mỹ phi ước lệ. Các cô đã được đưa đi Ba Lê, Florence và La Mã để thở hút bầu không khí nghệ thuật, và họ còn được đưa vào một hướng khác, tới La Haye Bá Linh, tới những hội của xã hội chủ nghĩa, nơi mà những diễn giả nói đủ mọi tiếng văn minh và không ai bối rối sừng sốt cả.

Do đó hai cô thiếu nữ, ngay từ lúc còn nhỏ đã làm quen với cả những lý thuyết nghệ thuật và chính trị. Đó là bầu không khí tự nhiên của họ. Các cô vừa là người theo chủ nghĩa thế giới phóng khoáng lại vừa có đầu óc tinh

nữ làm sao khỏi cảm thấy mình như một bà hoàng và khỏi tự dân hiến cho được?

Bởi thế các cô tự dân hiến, mỗi cô cho người đã cùng mình thảo luận tế nhị và thân mật nhất. Những cuộc thảo luận, bàn cãi mới là việc trọng đại: việc làm ái tình và liên hệ xác thịt chỉ là một cuộc trở về bản năng nguyên thủy và một chút giải khuây khỏi tình trạng căng thẳng thể thời. Sau đó, người ta bắt yêu chàng thanh niên kia đi, và còn có khuynh hướng ghét bỏ, như thể cậu ta đã xâm phạm vào cõi riêng tư và tự do sâu kín. Vì tất cả phẩm giá và ý nghĩa của cuộc đời còn gói nằm trong việc thực hiện hoàn toàn một thứ tự do tuyệt đối, hoàn hảo, tinh túy và cao nhã. Đời một người con gái còn có một ý nghĩa nào khác ngoài việc rũ bỏ,

những ràng buộc và phục tùng cổ lỗ bản thù ra nữa?

Dù người ta muốn tô điểm thế nào, vấn đề dục tính vẫn là một trong những ràng buộc và phục tùng cổ lỗ, bản thù nhất. Những thi sĩ ca ngợi nó đa số là đàn ông. Đàn bà bao giờ cũng biết có một cái gì đẹp đẻ hơn, ca ca hơn. Và bây giờ thì các nàng biết rõ điều ấy hơn bao giờ. Sự tự do đẹp đẻ tinh khiết của một người đàn bà vô cùng tuyệt vời hơn bất cứ một tình yêu dục tính nào. Điều bất hạnh duy nhất là đàn ông chậm tiến hơn đàn bà rất nhiều về phương diện này. Họ không kháng một mực đòi hỏi tình dục như những con chó.

Và người đàn bà phải nhượng bộ. Người đàn ông như một đứa trẻ đầy thêm khát. Người đàn bà phải chiều hẳn bất cứ cái gì hẳn muốn, hay giống như một đứa trẻ, hẳn có thể trở nên hư hỏng, vùng vằng và làm hỏng cả một mối giao tình vô cùng thích thú. Nhưng một người đàn bà có thể nhượng bộ một người đàn ông mà không người sâu thâm, tự do của mình. Điều những thi sĩ, và những kẻ nói nhiều về dục tính dường như đủ để lưu tâm. Một người đàn bà có thể chiếm đoạt một người đàn ông mà không hoàn toàn đáng hiển bân thân. Trái lại, nàng có thể dùng luyện ái để chế ngự đàn ông. Bởi nàng chỉ có việc tự kiểm chế, để người đàn ông "chăm dút và giải tỏa mình" mà không buông mình đến chỗ xúc động cùng cực; và kể đó nàng có thể kéo dài sự ôm ấp và hoàn thành sự ngây ngất trong khi người đàn ông chỉ là một dụng cụ của nàng.

Cả hai chị em đều có kinh nghiệm luyện ái trong thời gian chiến tranh xảy ra và họ vội vã trở về nhà. Không có nào yêu một thanh niên nào trừ khi chàng và nàng gần nhau về đường ăn tiếng nói; nghĩa là trừ khi họ vô cùng thích TRÒ TRUYỆN với nhau.

Sự rung động lạ lùng, sự rung động sâu xa, không thể tin được bởi là ở trong sự trò chuyện mê mải hàng giờ, ngày nọ qua ngày kia, với một thanh niên thực sự khéo léo... điều đó họ không nhận thức được cho đến khi nó xảy ra. Lời hứa hẹn thân thiện: "Bạn sẽ có người để chuyện vãn chưa bao giờ được thốt ra. Lời hứa đó được làm tròn trước khi họ hiểu đó là một lời hứa tuyệt vời.

Và nếu sau sự thân mật được khơi lên bởi những cuộc bàn cãi linh động và hào hứng, sự luyện ái là một điều không thể tránh được thì thời điểm chịu vậy. Nó đánh dấu sự chấm dứt của một chương sách. Nó cũng có nỗi ngây ngất của riêng nó nữa: một nỗi ngây ngất rung động lạ lùng, như chữ cuối cùng, kịch động, và rất giống một hàng chữ treo có thể viết ở cuối đoạn và chỉ sự ngắt lịm của đề tài.

Khi các cô thiếu nữ trở về nghĩ về năm 1913, khi ấy Hilda hai mươi ba và Connie mười tám tuổi, thân phụ các cô có thể thấy ngay là các cô đã có kinh nghiệm yêu đương rồi.

«L'amour avait passé par là» (tình yêu đã lướt qua đây) như một vài người nào đó đã nói. Nhưng chính

ông cũng đã là một người từng trải, và để mặc cuộc đời trôi tuột theo dòng. Còn về phần bà mẹ, bị bệnh thần kinh trong những tháng cuối cùng của đời bà, bà chỉ muốn các con gái bà «tự do» và «tự thể hiện mình». Chính bà cũng chưa bao giờ có thể thể hiện mình hoàn toàn: bà bị đặc ân này từ khước. Thì có trời mới biết tại sao, vì bà là một người đàn bà có của riêng và lối sống riêng. Bà đồ lỗi cho chồng. Nhưng đúng ra, tại một vài ẩn tượng quyền hành có kinh nghiệm đó đã đè nặng lên tâm trí bà và bà không thoát ra nổi. Với Sir Malcolm thì không có vấn đề gì cả. Ông để bà vợ nóng nảy, thù nghịch, can đảm của ông tự do muốn làm gì thì làm, trong khi đó ông sống theo ý riêng ông.

Bởi thế các cô thiếu nữ «tự do», và trở lại Dresden, với âm nhạc của họ viện đại học của họ và những chàng thanh niên của họ. Các cô yêu những chàng thanh niên của các cô, và các chàng trai của họ yêu họ với tất cả nỗi đam mê của sự hấp dẫn tình thần. Tất cả những gì tuyệt vời mà những thanh niên suy tưởng, diễn tả và viết, họ đều suy tưởng, diễn tả và viết cho các cô thiếu nữ. Chàng trai trẻ của Connie là một nhạc sĩ, chàng của Hilda là một kỹ thuật gia. Nhưng họ chỉ sống cho những thiếu nữ. Ít ra là trong tinh thần và sự kích động tinh thần của họ. Ở một đôi nơi khác họ hơi bị cực tuyệt nhưng họ không biết điều đó.

Hiển nhiên trong họ cũng vậy, tình yêu đã đi qua họ; nghĩa là, tình yêu vật chất. Thật là một sự thay đổi tẻ nhạt lạ lùng sao, nhưng không thể làm lẫn được, tình yêu vật chất đã tác dụng trên cả thân thể đàn ông lẫn đàn bà: người thiếu nữ tươi tốt hơn, no tròn một cách thanh tú hơn, những góc cạnh thanh xuân của nàng mềm mại hơn, và dáng vẻ nàng khi thì âu lo khi thì chiến thắng; người đàn ông trở nên trầm lặng hơn, quay về nội tâm hơn, hình dáng vai và hông bớt sắc cạnh hơn, lưỡng lự hơn.

Trong sự ngây ngất luyện ái trong thân thể, hai chị em suýt nữa khuất phục trước sức mạnh lạ lùng của nam tính. Nhưng các cô lại vượt lên một cách nhanh chóng, coi sự ngây ngất dục tính như một cảm giác, và khôi phục lại tự do. Trong khi những người đàn ông, trong niềm biết ơn người đàn bà vì kinh nghiệm yêu đương, phó thác tinh thần cho họ. Sau đó họ gần giống như kẻ đánh mất một đồng và tìm được năm cái. Chàng thanh niên của Connie hơi làm núng và chàng của Hilda hơi hay nhạo báng. Nhưng đó là đàn ông! Bởi họ vô ơn và chẳng bao giờ thỏa mãn. Khi bạn không chiếm hữu họ, họ oán ghét bạn vì bạn không chiếm hữu; và khi bạn chiếm hữu họ, họ cũng oán ghét bạn vì một lý do nào đó. Hay không vì lý do gì cả: họ là những đứa trẻ khó chiều và không có gì có thể thỏa mãn được, dù người đàn bà làm cách nào.

Tuy nhiên, chiến tranh đã xảy ra, Hilda và Connie lại vội vã trở về nhà, sau khi đã trở về để dự tang

mẹ vào hồi tháng năm. Hai chàng thanh niên Đức của họ đều từ trần trước Giáng Sinh năm 1914: cả hai chị em khóc lóc, và yêu người yêu nồng nàn bị thiết nhưng rồi các cô quên đi. Họ không còn hiện hữu nữa.

Cả hai chị em đều sống trong nhà phụ thân, đúng hơn nhà mẫu thân, ở Kensington, và giao du với nhóm trẻ đại học Cambridge, nhóm chủ trương «tự do» và quần ni mông, áo chemise ni mông hở cổ, một thứ vô chính phủ có giáo dục tinh cảm, và một thứ động thì thầm và rủ rủ, và một thứ dăng về cực kỳ dễ xúc động. Đột nhiên Hilda lấy một người đàn ông lớn hơn nàng mười tuổi, một hội viên lớn tuổi của cùng nhóm Cambridge đó, một người đàn ông có khá nhiều tiền và thuộc gia đình có địa vị lớn trong chính phủ: ông ta còn viết cả những tiểu luận triết học nữa. Nàng sống với ông ta trong một ngôi nhà nhỏ xíu ở Westminster và giao thiệp với xã hội thượng lưu trong chính quyền, tuy không thuộc loại đầu chóp, nhưng lại hay muốn là sức mạnh thông minh đích thực của quốc gia: những người biết mình đang nói gì hoặc nói như thế mình đã làm.

Connie làm một công tác chiến nhỏ và đi lại với những phần tử Cambridge mặc quần ni mông ngắn ngoan cổ, nhẹ nhàng diễu cợt tất cả mọi sự. «Bạn» nàng là Clifford Chat-terley, một thanh niên hai mươi hai tuổi, vội vã lên đường từ Bonn, nơi chàng đang học kỹ thuật mô than, trở về. Trước đó chàng đã theo học hai năm ở đại học Cambridge. Bây giờ chàng đã trở thành một viên trung úy đầu tiên của một trung đoàn lính hào hoa, do đó, trong bộ quân phục chàng có thể chế diễu mọi thứ một cách nhả nhặn hơn.

Clifford thuộc giai cấp cao hơn Connie. Connie thuộc giai cấp trí thức giàu, nhưng chàng thuộc dòng quý phái. Không quý lắm, nhưng vẫn là quý phái. Phụ thân chàng là một Nam tước và mẫu thân chàng là con gái một Tử tước.

Nhưng Clifford, tuy gia đình giáo dục kỹ hơn Connie, và «danh gia vọng tộc» hơn, lại hẹp hòi và nhút nhát hơn nàng. Chàng chỉ tự nhiên dễ chịu trong «đại thế giới» nhỏ hẹp, nghĩa là trong giới quý tộc lãnh đạo, nhưng chàng rụt rè và e thẹn trước thế giới rộng lớn gồm đám dân trung lưu và hạ lưu đồng đẳng, và người ngoại quốc. Nói trắng ra, chàng hơi khiếp hãi giới trung lưu và hạ lưu và những người ngoại quốc không ở cùng giai cấp chàng. Dường như chàng bị tê liệt bởi cảm thức bất lực không tự vệ, mặc dù chàng có tất cả sự tự vệ của đặc ân. Điều đó thật lạ lùng, nhưng đó là một hiện tượng của thời đại chúng ta.

Vì lẽ đó mà về vùng vùng dụ nhe đặc biệt một thiếu nữ như Constance Reid quyền rũ chàng. Nàng tự chủ trong cái thế giới bên ngoài hỗn loạn đó hơn chàng.

Tuy nhiên chàng cũng là một kẻ «nổi loạn»: nổi loạn chống lại ngay cả giai cấp chàng. Hay có lẽ danh từ nổi loạn là một danh từ hơi lớn, quá lớn. Chàng chỉ chia xẻ nỗi ghê tởm

chung, phản ứng quen thuộc của tuổi trẻ, chống lại những ước lệ và bất cứ thứ uy quyền đích thực nào. Các đảng làm cha đều lộ bịch: các chàng còn lộ bịch đến độ siêu đẳng nữa. Và mọi chính phủ đều lộ bịch: cả cái chính phủ với chủ trương «trông—và—chờ» của dân Anh còn đặc biệt lộ bịch hơn nữa. Và quân đội lộ bịch, cả những tướng tá già thô lỗ, đặc biệt tên mặt đỏ Kitchener thì không chẻ vào đầu được. Ngay cả chiến tranh cũng lộ bịch, đầu nó giết chết khá nhiều người.

Tóm lại, tất cả đều hơi lộ bịch, hay vô cùng lộ bịch: quả thực tất cả những gì liên quan tới nhà cầm quyền, cả trong quân đội hoặc chính phủ hay trong các viện đại học đều lộ bịch đến cùng độ.

Và khi nào mà những giai cấp lãnh đạo muốn toan tính cai trị, những giai cấp đó cũng trở nên lộ bịch nữa. Sir Geoffrey, phụ thân của Clifford cực kỳ lộ bịch trong nỗi háng say đến ngã cây cối và nhờ đàn ông như cô đại ra khỏi hăm mợ của mình và đẩy họ vào chiến tranh; trong khi cụ quá an toàn và ái quốc; nhưng cụ còn lộ bịch ở chỗ tiêu nhiều tiền cho nhà nước nhiều hơn số cụ dụ.

Khi Tiểu thư Chatterley—Emma—từ Midlands xuống Luân Đôn để làm nữ điều dưỡng, cô chế diễu nhẹ nhàng Sir Geoffrey và lòng ái quốc ngoan cổ của ông cụ Herbert, người anh cả, kẻ thừa kế, thẳng thắn cười, mặc dầu chính cây cối của chàng bị hạ xuống làm mốc hằm. Nhưng Clifford chỉ ngượng nghịu mỉm cười. Quả thật, tất cả mọi sự đều lộ bịch. Nhưng nếu thế, ai tránh khỏi lộ bịch và rồi đến lượt mình cũng trở nên lộ bịch thì sao? Chỉ có những người ở giai cấp khác, như Constance, là còn có thể nghiêm trang đứng đắn đối với một vài vấn đề; họ còn tin tưởng vào một cái gì đó.

Họ khá nghiêm trang đứng đắn về vấn đề bầu bán, sự đe dọa của lệnh trưng binh, động viên, sự khan hiếm đường, sữa cho trẻ em. Dĩ nhiên, trong những chuyện này, chính quyền hoàn toàn làm lỗi một cách lộ bịch. Nhưng Clifford không thể đề tâm. Đối với chàng tất cả mọi chính quyền tự chúng đều lộ bịch chứ chẳng cần phải vì vấn đề bầu bán, đường sữa gì cả.

Và tất cả mọi chính quyền đều cảm thấy lộ bịch, cư xử một cách, lộ bịch và hầu như sắp muốn phát điên khản trong một giai đoạn nào đó. Rồi ở tình hình trở nên trầm trọng và Cloyd George trở lại để cứu vãn tình thế ở Anh quốc. Điều này vượt quá cả sự lộ bịch, những thanh niên hay chế nhạo thôi không cười nữa.

(còn nữa.)

(1) Hội Xã Hội Chủ Nghĩa, thành lập năm 1883—ghu chú Dịch giả.



ĐA THỤY

Nghệ thuật được hiểu là một sinh hoạt tâm hồn nhưng lại là một sinh hoạt gây khá nhiều sôi động! Sự xung đột không những chỉ xảy ra giữa văn nghệ sĩ và giới thường ngoạn mà còn xảy ra giữa những văn nghệ sĩ chung quanh vấn đề sáng tạo! Ở đây, chúng tôi xin được bàn riêng về văn chương, lãnh vực từng dẫn tới nhiều cuộc tranh luận ồn ào bởi tính cách hàm hồ của ngôn ngữ. Cũng xin thừa thêm, bài viết không nhằm đặt lại những vấn đề cần bàn cãi văn chương để đưa ra một quan niệm mới lạ nào cho văn chương. Bài viết chỉ là một kết hợp những cảm nghĩ, học hỏi từ những vấn đề đã có (trong đồng hay tương dị) mà người viết trải qua trong các môi trường thẩm mỹ giới hạn.

CỤ C HƯNG ĐÀO nghệ thuật, nhìn chung, bắt nguồn từ hai quan niệm cơ bản: nghệ thuật hệ tại sự suy tư, cảm xúc (vị nghệ thuật) hay hệ tại sự dẫn dắt, hành động (vị nhân sinh). Nói khác, theo ngôn ngữ hiện đại, đó là nghệ thuật «viễn mô» hay nghệ thuật «tranh đấu», khi văn nghệ sĩ là những cá thể giữa một cộng đồng con người trên biến trình tất yếu của lịch sử, xã hội. Vấn đề này sẽ đi tới vô cùng chừng nào chúng ta còn bị chia lìa giữa nội tâm và ngoại giới theo các đồ phóng chiếu quan khép kín... Người viết muốn tham dự tích cực vào mỗi hành trình khác nghiệt đó bằng tất cả nhiệt tình mong thể hiện được, trong những điều kiện có thể, mỗi kỳ vọng sâu xa đối với những người cầm bút, nói riêng, chân đáng mình cho nghệ thuật và thành phần thường ngoạn biết đóng góp tâm thần cho công trình phát triển văn hoá.

SỰ KHÁM PHÁ từ nghĩa học tổng quát (sémantique générale) của Alfred Korziński (1879-1950), tuy cần thiết, vẫn chưa giải đáp thỏa đáng được tính chất đa phức (plurivoque) của ngôn ngữ gồm lời nói và chữ viết được dùng như một phương tiện truyền thông giữa con người qua các ký hiệu và biểu tượng. Tính chất đa phức này tạo nên bởi ngữ thái (significant) và ngữ ý (signifié), trong đó, người gửi và người nhận bị đặt trước nhiều chương ngại vượt quá khả năng thường nghiệm (empirique). Vì vậy, Alfred Korziński cho rằng, mỗi ngôn ngữ nào, cũng mang ít nhiều ý nghĩa siêu hình. Trung gian truyền đạt là một trung gian gồm nhiều tín hiệu (signe et symbole): tín hiệu ngữ thể (verbal) với lời nói, chữ viết và tín hiệu phi ngữ thể (non-verbal) với hình ảnh, màu sắc... Mỗi tín hiệu nằm trong một hệ thống phát biểu, theo những nguyên tắc thiết định để nắm vững được ý nghĩa — chuyên ngữ Anh vẫn gọi là «non-aristotelian system». Tất lại, ngôn ngữ là một hàm hồ tính mà sự cảm nhận phải tùy thuộc vào ý hướng, hoàn cảnh mục đích, môi trường giới hạn niềm tin của người bay tỏ. Nói khác, mỗi ngữ

thức mang nhiều ngữ ý đối lập nhau, do đó, dễ dàng gây ngộ nhận hay có khi bất khả linh hội (1).

Cũng trong chiều hướng này, Rudyard Kipling có kể lại một huyền sử lâu đời tại một bộ lạc, khi người đàn ông đầu tiên biết dùng lời nói để giải thích một công việc quan trọng hẳn thực hiện cho được bộ lạc nghe. Ngay khi khởi sự, vì không đủ lời để nói, hẳn bị rơi vào trạng thái câm lặng, ngầy ngất. Tức thì, một người đàn ông khác, dù không hiểu rõ công việc quan trọng kia, nhưng hẳn có tài kể chuyện bằng ma thuật (magie) của những lời nói cần thiết thời bấy giờ, nên hẳn đã đứng lên đóng trọn vai trò diễn giả. Nhìn cung cách đặc biệt, dị thường của hẳn, dân bộ lạc thấy rằng, với ma thuật của lời nói, hẳn sẽ truyền lưu cho con cháu họ những huyền thoại sai lầm về họ, nên sau khi hẳn giải thích xong, họ đã đem hẳn ra giết chết. Nhưng khi người đàn ông chết rồi, dân bộ lạc mới hiểu ra: ma thuật chỉ có ở lời nói, không phải soi con người. (2)

Qua hai trường hợp vừa dẫn, vấn nạn được đặt ra cho văn chương: ngôn ngữ nhằm tới đối tượng nhưng không là đối tượng đó. Và thể tính (essence) của đối tượng (hay của chính ngôn ngữ) là cái vắng mặt. Các bậc giác ngộ cho thấy: «Khí ta nói về chân lý nhưng không phải chân lý, đó mới là chân lý». Hegel cũng đồng quan điểm: «Một sự vật khi được gọi tên là đã bị hư vô hóa».

nghĩa Karl Marx thì lập luận của Nguyễn Bách Khoa là hoàn chỉnh, trái lại, những người thích chọn một lối thoát thanh cao, không ư sát hại nhau vì ý hệ, thì Truyện KIỀU là một khái lộ đưa họ về những chân trời ảo diệu để lánh xa bao phiền lụy của thế trần. Nhưng, tựu trung, Truyện Kiều không là gì hết! Chỉ có tư tưởng tương xung (vị tâm phản), còn nghệ thuật là một hòa đồng (vị tâm định).

Kinh nghiệm cho thấy, con người được sinh từ một thế giới hỗn mang, rồi qua khỏi óc con người, vạn hữu được sắp đặt theo một trật tự luận lý (ordre logique). Nhưng đó là thế giới ngoại tại. Thế giới nội tại của con người lại không chịu tuân phục khối óc, nên nghệ thuật được cấu thành nhằm kiểm lập sự hợp nhất giữa ngoại giới (lý trí) và nội giới (tình cảm) theo một trật tự thẩm mỹ (ordre esthétique). Do vậy, nếu tách rời hai mặt của một thực tại đồng nhất (chấp lý, khước tình hay ngược lại) thì con người chịu rơi vào mâu thuẫn! Theo thiên ý, ngày nào nghệ thuật còn được (bị?) gọi tên, thẩm giá... ngày đó, nghệ thuật chưa thoát khỏi vòng rào của nhị nguyên tính, nghĩa là còn tự mâu thuẫn với chính nó để giảm trừ. Bởi lẽ, giá trị của nghệ thuật là một giá trị tự tại trên một diễn tiến song hành với nhiều giá trị tự tại khác (ngoài nghệ thuật) mà chỉ có sự đón ngộ mới nghiệm chứng được. Đón ngộ ở đây

VĂN CHƯƠNG VÀ HÀNH

VĂN chương không phải là thú chơi chữ. Hình thức biểu hiện phải chuyên chở một nội dung nao đó. Chính cái nội dung này mới quyết định giá trị của tác phẩm, là cái thực tại chủ quan mà nhà văn nhắm đặt tới để soi chiếu đối tượng sáng tác của mình. Những chữ có thể được thiết trí trong một bút pháp giống nhau, nhưng chú ý quảng diễn của nhà văn (tức nội dung) vẫn khác, tùy hệ ở tư thế nhìn ngắm cùng thái độ ghi nhận. Muốn thấu triệt được một tác phẩm, người đọc phải tìm ra cái nội dung chủ quan vừa nói, và điều hệ trọng là đặt tác phẩm trở về vị trí tác động sinh thành của nó xét như một cơ cấu độc lập (structure originelle). Có như vậy, sự cảm thông mới nảy hiện và ngữ ý mới khỏi bị xô lệch quá nhiều. Thực ra, những xung đột văn chương gây nên bởi ngữ ý thì ít mà bởi quan niệm sáng tác thì nhiều, qua đó, mọi phê phán cực đoan dễ đánh mất ý nghĩa nội tại của văn chương, nghệ thuật, vốn đòi hỏi sự cời mở sâu xa, dằm thắm. Những vấn đề của tâm hồn, những ràng buộc tự nhiên của tình cảm làm sao có thể phân đoán viên toàn bằng luận lý, hay tay hai hơn, bằng những chủ quyết định ném con người trên dòng mưu tranh vị như câu cơm áo? Hơn nữa, với cuộc sống đa diện của con người trong một thế giới không ngừng diễn tiến, nhà văn, nghệ sĩ đã phải vận dụng óc sáng tạo thò rỗng xuyên của mình mong chế lập mức quân bình nội tâm mà nuôi lớn nghệ thuật qua những chất liệu được đãi gạn từ một xã hội xô bồ. Văn sống được nghệ thuật giữa bao nhiêu đồ vỡ của nhân loại, chính văn nghệ sĩ đã biết hòa nhập vào nhân loại để chọn hướng đi lên. Cho nên, bước văn nghệ sĩ phải tuân hành theo những quy luật đạo đức lỗi thời hoặc khác kìa quá đáng, hơn nữa, bắt họ phải điều dụng nghệ thuật như «con dao chém thịt» là cố tình hạ giá nghệ thuật khiến nó trở thành một lợi khí tuyên truyền...!

NGUỖN BÁCH KHOA tác giả truyện KIỀU là «án tượng đậm đà về sự bị thua» và phân tích tâm hồn Tố Như là đặc chất đầu hàng của bọn sĩ phiệt, ấy bởi Nguyễn Bách Khoa đã nỗ lực tuyên xưng triết học Karl Marx dựa trên «cơ khí» đến phải xem nhẹ phần «cơ tâm» của con người. Đối với những ai tôn thờ chủ

không mang ý nghĩa huyền nhiệm nhưng là sự tác náo ước khởi giữa Tâm và Trí trong một khoảnh khắc hiện tiền — cái thực tại Vĩnh cửu (Éternel présent). Trên chiều hướng đó, nghệ thuật là một ngẫu phát kỳ diệu qua từng khoảnh khắc «đón ngộ» của văn nghệ sĩ mà ta thường gọi là cảm thức sáng tạo. Cũng vậy, thường ngoạn nghệ thuật phải chăng là thể hiện một sự «đón ngộ» khác mà mọi trung gian (cá ngoại, chỉ trích) không còn tác hưởng? Xin dẫn lại một đoạn trong «HIỆN TƯỢNG KRISHNAMURTI» của Trúc Thiên cho rõ ý: «Vĩnh cửu không có thời gian, nên văn nghệ phẩm không hề lỗi thời giữa giòng biến dịch, chứng lẽ Bất Động».

«Vĩnh cửu không có tư tưởng, nên văn nghệ phẩm không nhằm nói lên gì hết, thể hiện cái Vô Cùng».

«Vĩnh cửu không có tâm, nên văn nghệ phẩm tùy duyên mà thành tựu cái Tâm Đại Đồng».

«Nhưng rồi tác phẩm chấm hết, rồi nghệ sĩ nấn nót ghi thêm vào đó một danh hiệu, kèm theo ngày tháng. Quả là một trò sang đoạt phủ phàng!».

«Tác phẩm vốn vô tâm mà tạo ra, nay chuyển sang làm của riêng của một cái tôi xấu hổ».

«Tác phẩm xây dựng lên trong một cơn hứng không thời gian, nay thời gia ỉn dẫu vào làm một vật lưu niệm giữa giòng đời trôi chảy».

«Tác phẩm thành hình trong khoảng nhập thần không suy niệm, nay niệm dấy lên, và so đo cân nhắc, tung ra chợ đời làm mỗi câu danh lợi»(3).

Trên đây chỉ là một cách nói gợi ý thông tục mà người viết dựa theo Trúc Thiên, đúng hơn, theo Krishnamurti, vì Trúc Thiên vẫn ghi tên mình ngoài quyền sách xuất bản bày bán, và Krishnamurti dù phủ nhận ngôi vị Chứng giáo, giải tán Hội Thông Thiên Học và triết huyển lý trí, nhưng những bài giảng thuyết của ông (giúp con người tự phong mình làm Thượng đế để hiển đạt chân lý), người viết bài này cũng phải vận dụng lý trí cùng với kinh nghiệm cá nhân mới lĩnh hội được! Dù là thêm, cũng cần hưởng hợp khó tránh này, những người chủ trương đề cao Việt ngữ, bảo tồn truyền thống, muốn được mọi người tin phục, lại là những ai thông rành nhiều ngoại ngữ, được tốt nghiệp tại các Đại học Âu Mỹ... Chung quy, chúng ta vẫn còn bị neo chân trên cỗ hiện tượng, nên mâu thuẫn vốn là yếu tính của

động niệm, từ đó; thái độ khinh nhường lại là thái độ tự cao hợp pháp! Đã hẳn, khi phê phán kẻ khác chính để tự soi lại lòng mình, và người viết bài này chưa thoát khỏi đà quay của nhị nguyên luận (dualisme!) Hegel đã chẳng phân nản: «Chaque conscience poursuit la mort de l'autre» (Mọi ý thức nhằm tiêu khử lẫn nhau) đó sao? Hay gặt gao hơn, M. Heidegger lớn tiếng: «... la pensée ne commencera que lorsque nous aurons appris que cette chose tant magnifiée de puis des siècles, La Raison, est l'ennemie la plus acharnée de la pensée». (Tư tưởng chỉ bắt đầu là lúc chúng ta ý thức được rằng cái thứ vốn được xưng dương suốt bao thế kỷ là Lý Trí, kẻ thù khốc hại nhất của tư tưởng) (4). Nói thế, chúng tôi không hàm ý trách cứ, nhưng là chủ tâm đi tới đối tượng muốn trình bày, dựa trên quan điểm: không có nghệ thuật «của anh» hay «của tôi» mà chỉ có nghệ thuật «thuần túy».

SÁNG tạo là đi từ thực hữu (être), qua khả hữu (possible), vươn tới phi hữu (néant) đã chụp bắt Vĩnh cửu (éternel), ở đó văn nghệ sĩ tự xóa mình. Mọi vận dụng hủy diệt và khai phá trên góc trường thành của nghệ thuật nhằm chinh phục cứu cánh tối thượng này. Một nghệ phẩm nên hình là một đoạn

ĐỘNG

truyện tròn đầy với văn nghệ sĩ. Những trường phái thì nhau xuất hiện, từ Lăng mạn, Tả chân... đến Siêu thực Trừu tượng... là những «mô chôn» của văn nghệ sĩ để Vĩnh cửu được bảo toàn (Hố thăm mở ra và Hư vô lên tiếng gọi!) Đó quả là một ảo tưởng trong một xã hội đầy lý, nhưng khách quan mà xét, giữa hai chiều đối nghịch của cái nhìn lưỡng diện, Chân lý nằm ở đâu? Và chẳng ý thức vốn là nguyên ủy của bao nhiêu ngã rẽ tranh chấp giằng co miên viễn, thì cuộc vận động trường kỳ để phục hướng cơ tâm (rung động) nào phải vì vươn tới, lần thoát mà có được? Bài xích, ngợi khen, rồi lại, chỉ vì tư kiến...!

Gần đây, có người tôn xưng thơ Bài Giảng, Phạm Thiên Thơ... là thơ «Thiền», và có người lên tiếng phủ nhận. Nhưng đã là Thiền thì phải nhận hay tôn xưng chỉ tính đều đáng gọi là Thiền hết! Có thể thì sĩ không chú ý làm thơ «Thiền» hoặc không hiểu Thiền là gì, nhưng nếu nguồn thơ vô tình khơi dậy được cảm năng thường ngoạn của người đọc (Thiền hay phi Thiền) thì, với một cách nào đó, thì sĩ đã ngộ Thiền thực sự! Thơ là Thơ, tự tại, và hãy triệt hủy luôn những «đà» cho Thơ đi vào Vô hạn! Học Thiền, hiểu Thiền, rồi cố gắng đi hành Thiền, không bao giờ là Thiền cả!

«Viễn mơ» hay «Tranh đấu» trong văn chương, đúng ra, chỉ là «Viễn mơ» hay «Tranh đấu» của những danh từ. Bởi trên tương quan lý luận, Tốt Xấu, Cao Thấp... đều bao hàm một giá trị hỗ tương. Có «Tranh đấu» là có «Viễn mơ», và ngược lại. Nguyễn Bách Khoa Lữ Phương, Vũ Hạnh... chủ trì văn chương phải ôm sát thực tại xã hội để thăng hóa con người trong ý thức «Tranh đấu» cũng có nghĩa là ôm sát luôn tính cách «Viễn mơ» của phía đối lập bằng làm nổi bật giá trị Tích cực cho tác

xem tiếp trang 12

(1) ETC., Quarterly Magazine, Vol. XXV, N.J., San Francisco, New York, 1968.

(2) Dẫn theo Elbert Hubbard, Scrap book, The Rhycofiers, New York, 1923.

(3) Hiện Tượng Krishnamurti, An Tiêm, gaigon, 1969.

(4) Dẫn theo Bài Giảng, Khởi Hành số 97, 1971.

THƠ



NGUYỄN THỊ KIM HẠNH

rừng của ta

tặng Trang Vy

ta có cánh rừng đã bỏ hoang
ta về dò sống cõi thiên đàng
đời ơi khi vượn cùng nhau hú
chào đón ngày ta thoát nhân gian
thiên đàng của ta
ta có thiên đàng của riêng ta
nhưng mờ trong tôi tìm chẳng ra
ô hay nó biến nơi nào nhỉ
ta phải lộn về xem mây ra
sống của ta
ta có dòng sông chẳng mấy trong
nhưng ta thương nó mới thật nồng
bởi vì tất cả đều biến biệt
chỉ còn dòng sông chẳng phụ lòng
tình xa
ta có người tình đã rất xa
bởi vì người ấy chẳng là ta
ta cười điên dại trong cơn ngã
tĩnh đây ôi sao vẫn la đà

VŨ HỮU ĐỊNH

chuyện người tuổi trẻ

tặng Trần Bội Lê

Trên non năm bảy thẳng tuổi trẻ
Buổi chiều thu uống rượu không cười
Trên non ta là người tuổi trẻ
Buổi chiều thu đôi bóng mây trôi

Mây còn bay nên đời còn mộng
Tuổi trẻ ra đi sao lại nhớ nhà
Ơi người tuổi trẻ sâu trong mắt
Đêm trên rừng mộng gói què xa

Què xa ta có em và mẹ
Nhớ ao bèo xanh bóng tím thiết tha
Nhớ người con gái bên hàng xóm
Chiều thả thuyền vớt mộng nở hoa

Lòng không người nhớ hoa bèo tím
Đôi mắt cô em đuổi tới rừng
Bây giờ ngồi đứng trong sương gió
Buổi chiều thu nhớ tóc ngang lưng

Trên non may có tình bằng hữu
Tuổi trẻ đau chung một khúc ca
Ôm nhau thức với vầng trăng lạnh
Vượt lá tìm sao định hướng nhà

Có những ngày đi trong núi thẳm
Tuổi trẻ nhìn nhau nhớ xóm thương làng
Thở chung một tiếng nghe sâu cháy
Tâm sự chuyện nhau điệu thuốc quan san

Cám ơn điều đứng rừng sinh tử
Cám hãy người giảng đề giết người
Tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
Giữ dùm nhau những tiếng chim cười

BUI DUY THIẾT

rừng

rừng âm u thú lạc loài
rừng cây cò thụ rừng đời hôn mang,
năm nghe thú lú rừng thiêng
gãi tay súng chạt đèn đen u buồn,
ngâm thân phận bé con con
âm thanh ghê rợn như còn muôn năm,



TẠ THUY

chiều buồn và tôi

buổi chiều buồn hiu như đàn bò ngơ ngác
như nông đại bác chong chênh bất động
như anh lính gác cầu ôm súng băng kha
như tôi ngồi đợi thời gian bằng thuốc lá

buổi chiều buồn hiu như cuộn kềm gai ri
như tiền đồn hầm hố ngồn ngang
như anh lính gác cầu ôm súng băng kha
như tôi chờ đợi qua cốc rượu cay

buổi chiều buồn hiu xe đồ mọp khách
như trạm cuối đường chẳng bóng người
như anh lính canh đứng lên ngồi xuống
như tôi lạc loài bỏ gối co ro



NGUYỄN NHƯ HOÀNG

kính nhật tụng

thấp một ngọn đuốc nhỏ
giữa hai bờ môi khô
đốt lên lòng thương nhớ
như thiền sư nam mô

đời lui theo tàn khói
tan loãng cùng hư vô
lòng khi no khi đói
thanh như mây cơ hồ

em như chim buổi sớm
bay giữa trời bao la
bu bình minh vừa chớm
vũ trụ vừa hát ra

bài hợp ca ngày mới
chảy vào đời thiết tha
lòng anh vừa chín tới
một dòng xanh bao la

thấp một ngọn đuốc nhỏ
giữa hai bờ môi khô
đốt lên lòng thương nhớ
như thiền sư nam mô



VÀ N thi sĩ, và nhiếp ảnh viên của ta quả không có nói láo chút nào hết, khi họ ca ngợi chiếc nón lá bài thơ.

Nó đẹp mộc mạc, và dân tộc lắm.

Nưng kỳ lạ lắm là nó chẳng khác chiếc nón lá của nông dân là chút nào hết. Nó chỉ được thoa một lớp dầu bóng và bên trong thấy dạng dạng những nét ngoằn ngoèo như cũng chẳng là bài thơ Đường thơ Việt nào.

Mà đó là chỉ tiết, đường nét lớn thì nó cũng y hệt như nón lá nông dân.

Thế thì chiếc nón lá bài thơ đẹp chỉ nhờ người đội nó mà thôi. Đó là cái mỵn oai hùm, chớ riêng lấy nó, không có sự nâng đỡ của các tiểu thơ kiểu diêm thì nó chỉ giống cái phần trên của chiếc nấm mối, mà một ngư ông đội nó, ngồi dựa bờ sông vắng, thấy hình ảnh chiếc nấm mối rõ ràng.

Những quả nó đẹp thật khi mà các nữ sinh áo trắng đội nó, đi qua các đường làng, hoặc các phố vắng của những thành phố nhỏ.

Hồi tiền chiến các cô đào chiếu bóng Huế Kỳ sang du lịch Việt Nam, có nào cũng mua vài chiếc, nhớ đâu như là cô Mac Donal người đóng cặp với Maurice Chevalier đã mua bằng ló.

Nhưng tôi không bảo đảm tên của cô Đào cũng. Đó là một ngôi sao lu cò lè đã thành bà cò rồi, không ai mà nhớ tên cho được.

Trả lời các cuộc phỏng vấn cô ấy cho biết là cô ấy mua về để làm... chụp đèn.

Ấy, sở dĩ cô ấy (nay đã thành bà lão ấy, nếu bà ta còn sống) không tôi, là vì sùng lấy nó, nó không đẹp gì hết. Hơn thế nó lại gặp ra bất tiện mà dân Saigon nay đã bắt đầu bực mình lắm rồi.

Khi các cô này đội nón nhẩy lên xe buýt xe lam, vài nào thương xá T.A.X. thương xá Tam Đa thì thiên hạ sợ các cô như sợ cạp, vì có nào cũng to lớn bằng hai, mặc dầu thật sự thì các cô có mình hạc xương mai.

Vành nón to quá, phủ cả vai các cô, và các cô quẹt bên này, chạm bên kia, y hệt như những người mới học lái ô tô.

Cũng may là phái ta mi cao hơn các cô, chớ cậu nào thiếu thước tấc đã bị vành nón

quat vào mắt và rất dễ mất cái bình của cu Đô Chiêu lắm đó.

Hiện nay công nghệ ta đan những cái nón bằng cỏi tương tự như nón dăm và một số phụ nữ bắt đầu dùng.

Nón ấy vành nhỏ và không gây hại cho ai hết.

Nón ấy không có dân tộc tính như nón bài thơ thật đó, nhưng nó lại không làm khổ dân ở đô thị.

Vậy dám cúi xin các thiếu nữ Saigon hoan hỉ dân tộc tính để đội thứ nón nhỏ ấy cho đỡ khổ thiên hạ, chớ khách đi xe lam, cậu nào cũng đã ít lắm một lần bị trấn da mặt.

Dĩ nhiên là ở tỉnh, rộng rãi, các cô tha hồ mà giữ dân tộc tính, còn ở Saigon thì xin tha cho.

Loại nón ta bằng cỏi có nhuộm màu ấy, có vẽ là nón dăm, nhưng thử hỏi trong người các cô có cái gì không là dăm hay chăng?

Hình như phụ nữ ta xưa không có dùng xú cheng, mà cũng không có sơn móng tay móng cẳng gì cả, không có gắn lông nheo giả bao giờ mà cũng chẳng có trông rắng giả nữa.

Cái xác mà quí cô cần nơi lòng cũng chẳng phải là của tổ tiên ta, thì hi sinh thêm chiếc nón lá bài thơ, chắc cũng không mất dân tộc tính hơn bao nhiêu, mà đẹp không hay. Người đẹp lại đóng cửa xe lại không khít.

Rồi thì công tử cho xe vọt liều. Bánh xe quay, kéo đuôi khăn theo, thế là người đẹp bị thất cổ chết tươi, không kịp kêu la, công tử ngồi kể cũng không hay biết, chỉ một lát sau, thấy người đẹp không trả lời mình day lại thì nằng đã hui nhĩ ti rồi.

BÌNH NGUYỄN LỘC

Ấy cái khăn "sạt" dài lê thê gieo họa như thế đó thì vành nón bài thơ xoe ra quá lớn cũng có thể bị vương cái gì đó và quí cô sẽ mang hại.

Cái gì đó thì chính mắt kẻ viết bài đã thấy rồi.

Xe đạp đang xuống dốc lớn, quai nón lỏng lẻo thế nào mà nón lại sụp tới phía trước, che cả mặt người đội nón. Thế là ngã xe.

Đó cũng là một câu chuyện tiền chiến, mà các cô đi xe đạp không chạy như vũ bão, bằng các cô cỡi xe Honda ngày nay.

Không phải ngày nào, năm nào cũng có một vài cô bị chiếc nón bài thơ dứa rần rắc như vậy; nhưng tai nạn quả đã có xảy ra với một chiếc xe đạp mà tới độ khóp đáng kể, vậy mà kẻ lè xe cũng đã chết như thường, trái lại rất hợp với dân tộc tính của dân ta là hiền lành.

Chiếc nón lá bài thơ có vẻ để quốc lắm vì rõ ràng là nó giành giật rất nhiều khoảng không gian ở trên các loại xe công cộng và ở những nơi buôn bán chật hẹp, khiến người khác tiến thối rất khó khăn.

Đội nón lá bài thơ ở một đô thị lớn, giống hệt như cất nhà mà làm mái hiên quá rộng, nó chồm ra ngoài nhiều quá, ăn gian ánh nắng của khách đi đường.

Xin kể một câu chuyện tiền chiến, quí cô nghe mà lạnh mình chơi. Quí cô còn quá trẻ không hề biết những gì xảy ra trước năm 1945

Thuở ấy có một loại ô tô mà bánh xe

không đặc ruột như ngày nay, mà có cam như bánh xe đạp.

Và thuở ấy người đẹp bắt chước đầm choan loại khăn écharpe mà họ gọi là khăn "sạt", quá dài, trùm đầu rồi quấn ngang cổ hai ba vòng. nó vẫn còn kéo lê thê dưới mặt đường.

Ấy một hôm một cậu công tử chở người đẹp đi dạo mát. Người đẹp lên xe sau công tử, y đã tén phía bên kia tay lái.

Đuôi khăn bị gió dầy vào cam xe mà người

Thôi nhá! Cái món đồ dân tộc dễ yêu đó nó linh kinh như vậy thì quí cô không nên tiếc làm gì, nếu quí cô là dân ở các đô thị lớn.

Mỗi người nên xếp tay lại, thì đường phố sẽ đỡ chật chội, chớ mạnh ai nấy hươ tay lia lia thì không còn khoảng trống để mà lưu thông nữa, mà chiếc nón ấy nó giống hai cánh tay khuynh ra để giành chỗ lẩn.

Dân Mỹ Tây Cơ họ đội nón vành còn to hơn nhiều lắm kia. Nhưng họ đội lúc đi ngoài đấy, chớ vào thành phố lớn thì không.

Ở ngoài đồng trống thì đội cả một chiếc ô loại ô của bồi lử quán đưa khách ra ô khi trời mưa, cũng không sao, còn ở đất Saigon này thì vừa hè Lê Lợi hẹp tí, thế mà bên trong là một dãy hàng sách, bên ngoài là một dãy hàng tơ lụa, ở giữa chỉ còn nhỏ hăng chiếc khăn mu xoa, một cô đội chiếc nón lá bài thơ, đứng chọn một quyển sách là phải cần đường.

Con đường tối hù đó lại không có phủ lịch công lộ khai thông sự nghẽn lối thì quí cô thử tưởng tượng sự ứ đọng nó như thế nào.

Còn nhớ những năm 1943, 1944 mà Saigon bị phi cơ đồng minh dội bom liên miên.

Các bà đầm chạy xuống hầm nấp với dân chúng, rất ưa đội nón lá bài thơ. Các bà làm yên tâm mit trá hình ấy mà, ngờ hòa bình như vậy, đồ sợ bị cướp giật hoặc sát hại.

Nhưng Saigon thuở đó chỉ có hai trăm ngàn dân mà hết phân nửa đã chạy về tỉnh rồi, chỉ còn có một trăm ngàn người, tha hồ mà choán chỗ.

Còn bây giờ thì Saigon đông tới hai triệu, tức 20 lần hơn những năm đó, mà thành phố thì không được nổi rộng thêm chút nào hết, có thể còn bị thu hẹp nữa là khác vì sau Tết Mậu Thân, có rất nhiều gia đình rời ngoài ô để vào ở trung tâm, thì cảnh chen chúc còn kinh khủng hơn nhiều, kể từ năm đó.

Dân chủ là một lời van xin, không khó các cô lại mắng là độc tài vì các cậu có quyền để tóc dài, thì các cô cũng có quyền đội nón lớn để quẹt vào mặt người đi cạnh các cô.

Đó là tự do cá nhân của các cô. Nhưng có hơi phiền là tự do ấy có làm sức mẻ một chút xiut tự do của những người kế cận.

LỊCH SỬ GIÁO DỤC

Δ LÊ THANH HOÀNG ĐÀN
TRẦN HỮU ĐỨC

Nhà Xuất bản TRÉ :

68 Nguyễn B.đ

CHOLON

Văn Xá phát hành trong tháng 6-1971

CÁI CHẾT CỦA...

tác phẩm thứ 16 của DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU
NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO

NHÂN BÀI NHỮNG NGƯỜI THƠ QUẢNG NAM

LTS : Sau khi Diên Nghị có bài viết về những người thơ Quảng Nam & Khởi Hành số 111, Tòa Soạn có nhận được bài sau đây của nhà thơ Thái Tú Hạp và của anh Nguyễn Kim Phụng. Nhận thấy vấn đề có tính cách tế nhị, chúng tôi cho đăng nguyên văn bài của anh Thái Tú Hạp, và Nguyễn Kim Phụng, như những tiếng nói khác về tình trạng văn nghệ Quảng Nam.

N H A N đọc bài «Nhìn lại những người thơ Quảng Nam» của Anh Diên Nghị đăng tải trên tuần báo Khởi Hành số 111 ph. t hành ngày 1 tháng 7 năm 1971, tôi rất đồng ý với anh về những nhận xét tinh tế và xác thực về những người thơ Quảng Nam cùng những nỗi «thăm mệt», hiện hữu. Và điều chắc chắn tôi tin rằng trước khi có một vài ý niệm để thực hiện bài này anh đã hàn huyên với những người làm văn nghệ «ngoài này» vào Saigon, hoặc đã làm một chuyến «Miền trung du ký», nên coi bộ anh viết về họ có phần hữu lý đến chín mười lăm phần trăm. Riêng về trường hợp của tôi cái điều «nghe đâu» của anh cần phải tỏ bày để tránh những ngộ nhận trong ý nghĩ sau này? Đa số người dân sinh trưởng ở Hội An đều là người Minh Hương, mặc dù họ hay cha mẹ là Việt Nam thuần túy, không rõ từ đời trước những ông có nội có phải là người Trung Hoa? Điều này chỉ hiểu theo suy luận chứ chưa khám phá trong gia phả vì đã bị «tam sao thất bản» mất tiêu đã mấy đời nay rồi. Tôi cũng là một trong những trường hợp đó, có thể gốc gác từ đời xưa đời nào mang chút ít dòng máu Trung Hoa (chắc hẳn họ Thái phải là người Trung Hoa?) Đến bây giờ e cũng phải phân, trong khai sinh của cha mẹ và cả mình là Việt Nam trăm phần trăm. Và địa danh ra đời là Hội An, Quảng Nam rành rành thì cứ coi như mình là dân Quảng Nam cái đã. Cho nên tôi không đồng ý với anh khi đề cập đến «cái sự nghe đâu là nguồn gốc người Trung Hoa», nghe nói xa lạ và bỗng dưng tạo sự chia rẽ đáng tiếc. Sở dĩ tôi nêu lên vấn đề này để chứng minh, tôi rất hãnh diện là người Việt Nam và rất tự hào lấy niềm kiêu hãnh của một người được sinh ra, lớn lên giữa miền đất «Ngũ phụng tề phi» nơi quê hương yêu dấu của tôi mà tôi từng ca ngợi nó như một cõi nguồn yêu thương cao quý nhất trong đời. Hơn nữa hiện hữu tôi là một quân nhân trong Quân Lực VNCH. Sự kiện này càng gần gũi với anh hơn. Về tình cảm riêng tư của tôi thật sự đâu có ẩn nhập gì đến ảnh hưởng yêu thích văn thơ của tôi? Xin cảm ơn anh đã đề cập tới... thật ra những lời biện bạch này không cần thiết với anh và cả cho tôi nữa, nhưng nên coi đây là một kinh nghiệm để tránh những trường hợp tương tự có thể xảy ra làm mất đôi chút ý nghĩa xác thực.

Bây giờ chúng ta trở lại những người làm thơ Quảng Nam. Điều anh viết rất đúng. Vào khoảng 1960 - 1966 là thời gian mà những nhà thơ «Quảng Nam khởi sắc» nhất là trên tạp chí Bách Khoa, Mai, Văn Hữu, Văn Học Mới v.v.. Luân Hoán, Thành Tôn, Hoàng Lộc và tôi dự định xin bài anh em để thực hiện một tuyển tập thơ với nhan «Tình người sông Thu» nhưng sau vì vấn đề tài chánh và những định kiến địa phương có thể bị hiểu lầm nên hoài bão này phải đình chỉ đợi một ngày đẹp trời nào đó sẽ tiếp tục bàn tính. Mãi đến nay qua bài của anh Diên Nghị mới hay anh Phở Đức hình như đang xúc tiến việc ấn hành một thi phẩm tuyển chọn của những người làm thơ Quảng Nam. Việc làm này, chúng tôi ở ngoài Trung rất hoan nghênh. Nhưng chắc phải khéo léo lắm mới tránh được những lời xuyên tạc sắc thái địa phương tính là nhóm Văn nghệ Quảng Nam.

Điều này ai nghĩ tới cũng e ngại. Cuộc chiến mỗi ngày, mỗi khốc liệt, con lóc cuồn những người trẻ ra đi cách nhau biệt biệt. Thỉnh thoảng có dịp về thăm qua Vĩnh Điện, Hội An, với những mái phố hắt hiu, những bờ tường xiêu vẹo loang lổ dấu đạn, con đường bụi mờ bốc lên theo những đoàn xe Mỹ, Đại Hàn thường trực chuyển quân đi nghe ồn ào nhức óc. Còn đâu tìm thấy nỗi u hoài trong buổi chiều im vắng khi nắng vàng chia nửa bên sông Thu. Và tìm đâu những đêm mưa giăng rây rứt mình đi lang thang giữa con phố đêm dài để nghe Hội An tí tẹo những niềm tâm sự khắc khoải ưu phiền. Nỗi buồn từ đó ra thơ. Chữ thì hết mộng mơ, đêm tiếng đại bác nổ đi quanh vùng nghe chất chứa tiếng súng nổ ròn của toàn quân phục kích và nhất là những qua súng cối 82 ly của đối phương bất thần gởi vào Hội An thật kinh hoàng. Làm sao tìm thấy cái im vắng cho tâm hồn thanh thản của ngày xưa để làm thơ, đọc sách? Nên sau này rồi không ngạc nhiên ít thấy xuất hiện những nhà thơ Quảng Nam có «phong độ» như trước 1958 - 1966. Nhưng điều này tôi viết lên với sự dè dặt, vì nhận xét này chưa hẳn tuyệt đối có vẻ chủ quan nữa. Nếu sơ xuất, mong được tha thứ.

Không biết sau khi phát hành «Mười nhánh sông Đà» tại sao không là sông Thu anh nhỉ! Ông Phở Đức có dự định tiếp tục thực hiện tuyển tập của những người viết tiểu thuyết Quảng Nam không? Kể việc làm của Ông Phở Đức thật quá can đảm. Chúng tôi thực tình phục Ông sát đất. Và hy vọng mong mỏi Ông tiếp tục con đường đã chọn.

Thiết tưởng đây là một cơ hội thuận tiện để ông Phở Đức thực hiện những ấp ủ của chúng tôi.

Không phải đào thêm những hố sâu chĩa rẽ, nhưng là những đóa hoa hồng của một Quê Hương gửi khắp bốn phương hay nói một cách khác hơn, đây là những ánh lửa cho những người cùng xứ sở tha phương tìm về sưởi ấm, bằng những kỷ niệm êm đềm qua những địa danh mang đầy triu mến thiết tha của một thuở nào xưa vắng.

Tôi gửi đến anh Diên Nghị lời cảm ơn chân thành về nhã ý của Anh đã nhắc nhở đến chúng tôi : những người trẻ làm văn nghệ ở những tình thế đầy cơ độn và xa nưt này.

THÁI TÚ HẠP

1.

tương biệt

Mới đây ông Diên Nghị viết một bài ngắn về các nhà thơ Quảng Nam. Một vài câu khen làm duyên, còn thì toàn là những câu kín đáo chê bay này nọ.

Ông Diên Nghị cũng giống như ông Nguyễn Hiến Lê, thường hay kín đáo dìm người ta xuống bằng những lời khuyên, những thư gửi, những lời nhắn nhủ này nọ...

Đó là quyền tự do của mấy ông ấy. Ở đâu thì còn đòi hỏi điều kiện gì kia. Chữ trong lãnh vực văn nghệ thì tha hồ lên tiếng! Muốn làm vua làm chúa gì chẳng được, lại chỉ làm thầy đời!

2.

Miền Trung đất nghèo. mà chiến tranh ở nước mức độ rất tàn khốc, sống thân xác khổ như thế, nếu không đem hồn mình lên một cõi nào khác, thì làm sao chịu nổi! Những năm 1960 người ta hẳn ngạc nhiên thấy ở Quảng Nam rất nhiều người làm văn nghệ nhất là làm thơ, một cánh cửa mở vào cõi đẹp tươi. Bài thơ, tiếng nói của tâm hồn khi bước chân vào cõi đẹp tươi, xa lạ với đời sống là lý khó chịu... Có ai dùng những bài thơ của mình để tiền thân; để «chọn chỗ tốt» chăng? Chắc cũng có. Chiến tranh, trách sao được vàng thau xà bặt!

3.

Anh em chúng tôi ở Quảng Nam hồi những năm 1960 làm thơ như một cuộc đi cắm trại vào cõi vui quên... đi như thế nên rất thân nhau, thương mến nhau. Hẹn hò sẽ có ngày hội ngộ trên một tờ báo, chúng nào đó, tờ báo sẽ là một cõi quê hương cho tâm tưởng...

Nhưng rồi qua bao nhiêu năm, không đứa nào tìm được một tờ báo khá đi gọi nhau qui tụ như đã hẹn hò. Phần thì không đứa nào có thể đoạn «tây trời», phần khác cách biệt nhau không bởi đất Việt Nam quá rộng, mà bởi giữa chúng tôi có những tên ma giáo xen vào phá đám, ngăn trở vãn vãn... Thật ngậm ngùi. Đúng như Bùi Giáng nói: «Lỡ từ lạc bước bước ra...». Có sao mọc dễ mà hoa sao hay bị úa héo, vầy vò...

4.

Không dùng thơ để tiền thân nên anh em chúng tôi bây giờ đứa thì nghèo khổ, đứa thì ngược xuôi, đứa thì nằm trong góc đời hiu quạnh, đứa thì đi ngoài ruộng rừng đêm đêm; viết làm cầm những cái không phải là thơ để sống cùng đời làm cầm, làm những việc không hề phác họa từ trước cho đời mình, tí dụ như có đứa đứng bán bún bò giò heo (!) để nuôi con lớn lên... làm thơ...

Việt Nam là một cái đất quá lạ, dung hợp máu thuần trong một hòa điệu nghe dịu dàng đến sa nước mắt!

Huật trắng khuya lạnh bốn bề
Ý sâu lên vút tới sau khe
Quý thay giấy phút gần tương biệt
Vương vấn người đi với kẻ về.

Ngồi suốt đêm trường không nói năng
Ngậm ngùi chén rượu ánh vầng trăng
Người xưa lặn lặn ra sao nhỉ?
Có giống như mình lưu luyến chăng?

Đã tắt lò hương lạnh phẩm đàn
Thư phòng sắp sẵn để cơ độn
Trời cao mây nhạt ngàn sao rụng
Một giải sương theo vạt dặm buồn.

Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau
Nửa đêm chợt tỉnh bỗng đứng sầu
Trăng mùa xuân đó ai tâm sự
Anh đã xa rồi, anh biết đâu!

KHÁI HƯNG (Bài : Tương Biệt Dạ)

Xa nhau, bận bịu không nhớ nhau. Bỗng hôm nay có kẻ ngoài kim đào cho ta vài mũi kim vào lòng bàn tay, nên chợt tỉnh bỗng đứng sầu. Những người bạn thơ xa có biết chăng?

NGUYỄN-KIM-PHỤNG



hoài âm

● GỬI VKH

1968, những buổi sáng thường nằm ngoài sân vắng trên chiếc ghế dài nhìn lại cái ống máng cũ và hoa diệp, nhìn lại hai bàn tay hai bàn chân, nhìn lại những vòm cây thành phố xanh như nhuộm phẩm.

Những buổi sáng đó, bụi phẩm rơi êm đềm trên bụi gỗ, và bài học nguyên tắc phân quyền và thủy tra thạch và thơ chinh phu.

Những buổi sáng sự vật tẻ nhạt, an lạc, ở trong chiếc bể lớn nước đầy, lạnh cũng nghiêng mặt xuống nhìn rạn rạn mím cười.

1968, và một, hai, ba năm sau giữa đêm và ngày dần trải, không thay đổi, không tẩy xóa, lắng nghe chuyện văn chương, lắng nghe hồi tự sự.

Cuộc lắng nghe và nhìn lại, cùng một lúc, với những lời khuyến dụ phải sống cách này phải viết cách khác.

Một phương cách, là như thế nào ta đâu có biết.

Những giọt nước chảy qua đuôi mắt, chảy qua đường

nhân trung, chảy qua cửa miệng, chảy như tấm gương lem của ngày tháng.

Như thế đó, sống hồ, sống tường, sống đứng đứng giả mạo, như phùng làm tuồng, như kẻ lưu vong.

Như thế đó không có thanh minh không có lý giải.

Như thế đó cũng sự bất lực, là tro than của chữ, khổ ruộng, trong nhịp và động nghèo.

Một phương cách, ngôn ngữ và sự vật bị lam dụng. Nên lòng thành khẩn trong có đơn khổ não, cuối cùng, không còn nữa.

Trở về yên lặng. Như buổi chiều xa xôi mưa khởi sự trút xuống bên ngoài, bình thần nghe diễn giả mô tả tác phẩm cùng cuộc đời. Bình thần đứng dưới mái hiên đợi mưa dứt vì không có áo không có nón. Và bình thần ôn nhớ trong chút thời gian âm, những phò bày sắc sở về tốc độ sản xuất và năng lực sáng tạo.

Trở về yên lặng, lắng quên, những mâu thuẫn đời sống là thế đầy ắp nhân vật, ái tình tiểu thuyết và khói súng và thuốc lá và tâm sự và khát vọng.

Bây giờ đi giữa tháng 7 cuối mùa hạ, nắng không còn nó đùa trên vai áo. Dưới những giọt mưa sắc buổi những vòng bánh xe lăn vào bất lực.

Bỗng dừng nhận ra trong tiếng vọng của phố xá có sự hoen rỉ, cuộc luân chuyển thờ ơ như nhịp tim đập trong lồng ngực.

Cuối mùa hạ, tôi lại những hồi ức âm thầm đêm tóc thơ xanh tan vào sương tối. Và tan đi những gói lớn sách vở, giấy màu trắng mực màu đen cùng đoạn dây buộc hình chữ thập.

Nhưng tỉnh vật, sẽ im như niềm vô cảm, hay còn là giấc mộng chưa nggôi?

văn chương và hành động

tiếp theo trang 9

phẩm của mình! Nguyễn Trọng Văn công kích cái gọi là «áo tưởng của người cầm bút» vẫn là công kích cả sự công kích của ông, vì những người cầm bút chân chính (chỉ những người cầm bút chân chính mới đáng nói tới) có áo tưởng nào để hãnh diện hơn là cái áo tưởng bị đất về một thực tại êm đềm đã bị vỡ nát giữa một xã hội không còn chỗ đứng thích nghi cho nhà văn, nghệ sĩ?

Một độc giả của tuần báo Nghệ Thuật (nếu tôi nhớ không lầm trước đây, nhân trả lời cuộc phỏng vấn của báo này, đã đề

đã viết: «Quan niệm văn chương đầu thế (littérature engagée) theo được cái áo tưởng là đã tham gia vào mặt trận tranh đấu để được ngủ yên trong tháp ngà, nhưng khi Nhất Linh khai sinh ra Tự Lực Văn Đoàn mong thực hiện cuộc cách mạng xã hội, bảo vệ quyền lợi của dân nghèo, thử hỏi xem có bao nhiêu người dân lao động chân tay biết được Nhất Linh là ai? Có lẽ Nhất Linh cũng nhận ra «áo tưởng» đó của mình nên trong quyển *Viết và Đọc Tiểu thuyết*, ông đã viết: «Tôi đã đề cái ý định dùng tiểu thuyết làm một cái gì (viết luận đề tiểu thuyết) lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay (...). Đây là cái lầm lớn nhất trong đời văn sĩ của tôi. Sự hoán chuyển của những truyện đó (luận đề), nhất là quyển *Đoạn Tuyệt*, những lời khen ngợi của các nhà phê bình đã làm tôi

sau này khó chịu một cách thành thực! (5). Nói như vậy, không hẳn Nhất Linh chủ trì văn nghệ «Viễn mơ», nhưng, theo chỗ chúng tôi hiểu, ông muốn phân định một biên giới tất yếu giữa văn nghệ và chính trị trên hai ngã đi biệt lập cùng tới một cứu cánh toàn thể: con người. Nếu hiểu con người là tổng số những hành vi của hắn, thì dù «Viễn mơ» hay «Tranh đấu», ở bình diện văn chương, đều có nghĩa là những công lao thể hiện của hắn trên dòng sống biến thái, luân lưu. Không thể tách rời văn nghệ sĩ ra khỏi vận hành sáng tạo liên li của hắn để bắt xích, bởi mỗi tác phẩm của hắn chỉ là một chứng tích của một đoạn đường hắn đi qua bằng

«cái chết» mà ý nghĩa của sáng tạo không cho hắn ngủ yên tại một trạm cố định nào! Hơn nữa, với tính chất đa phu và hàm hồ của ngôn ngữ, cộng thêm cách thái biến lộ của văn chương (bút pháp ẩn dụ), tác phẩm vốn mở ra vô cùng mà «Tranh đấu» nay «Viễn mơ» văn nhíp nhang qua một liên hệ

xúc tác. Trên di ảnh của một ngôn ngữ văn chương, nếu người đọc chưa thoát khỏi mọi ràng buộc gia của tập quán, tác phẩm văn chương cái con tại những «xác cấu» được sắp đặt theo một hệ thống

khéo tay và, dĩ nhiên, ý nghĩa không sao được khai thị! Cũng đừng đòi hỏi một «đức lý» nào cho văn chương theo cái tiêu chuẩn «nội đạo», «tổ chức», khi mà nền luân lý cổ truyền không nhất thiết phải

đứng lại ở quan niệm «áo dài, khăn đóng» và

đức không thể là những danh xưng xuôi chân theo bao nhiêu thủ đoạn giết người, tra tấn để đáng gọi là... Tự do, Nhân bản! Robert G. Ingersoll đã viết: «Art creates an atmosphere in which the proprieties, the amenities, and the virtues unconsciously grow. The rain does not lecture the seed. The light does not make rules for the vine and flower. The heart is softened by the pathos of the perfect» (Nghệ thuật sáng tạo nên một bầu khí, ở đó, các khuôn phép, nghi thức và đức hạnh được nảy sinh một cách vô thức. Mưa không giảng thuyết cho hạt giống ươm mầm. Ánh sáng không ban hành luật lệ cho cỏ hoa nở lộc. Tâm hồn trở nên cao nhã là nhờ hiệu năng gợi cảm của sự chân toàn) (6). Hình như Albert Camus cũng lên tiếng ở đây đó: «Đồng ý là tôi có viết về phi luân (immoral), nhưng không phải để viết về phi luân là người ta có thể vô lấy cô em gái khốn nạn của mình!». Một nghệ phẩm bắt từ từ nó không chịu có xây dựng xác trợn nhất thời, và phản ánh thực tại xã hội còn có nghĩa là tấn công thực tại xã hội làm chất liệu cho dự phóng thăng hoa.

Như đã nói, nghệ sĩ trên đường sáng tạo, khởi hành từ thực tại đã có, đi tới một thực tại sẽ có trong viễn tượng chuyển hoán, tiến lưỡng trước khi hòa nhập vào thực tại đang-bất-điển, cho nên nghệ thuật không những phải đều nhịp với thực tại mà còn phải đi trước thực tại. Không ai có thể quy định mục phiêu và chiều hướng CHUNG cho nghệ thuật nương cũng không ai có thể cam đoan những thiên tài đơn độc chính phục được năng Tiên Nghệ Thuật bằng chính con đường khám phá RIÊNG của mình! Nghệ thuật không có lối mòn và chân lý phải là sự thử nghiệm cá nhân, bất chấp mọi quy định xã hội. F. Dosztoevski từng yêu cầu hãy trả nghệ thuật về cương vị đích thực của nó (leave her-art-to herself) và đặt niềm tin nơi nghệ thuật (have confidence in her). Tôi không ngờ ai đã nói: «Người thử nhất vì người đẹp với hoa hồng là một thí sĩ: người thử hai vì người đẹp với hoa hồng là một thí sinh!»

Trên bình diện văn chương, nhà văn, thi sĩ đã, từ xã hội, lựa chọn một lối đi đơn tuyến, trong đó, «Viễn mơ» hay «Tranh đấu» được dung giải cao độ. Chúng tôi muốn gọi «Tranh đấu» là phong ngoại, còn «Viễn mơ» là quy nội, hai ngã vau đi tới một chung đường: Nghệ thuật. Sinn ra trong thời chiến, văn nghệ sĩ không thoát khỏi phải mô tả cuồn cuộn; yên vị trong thời bình, văn nghệ sĩ không tuân theo rập rình theo may gió! Nếu văn chương «Tranh đấu» có tác dụng phản ánh được nguy cơ bom đạn ở mặt ĐÔNG thì văn chương «Viễn mơ» cũng phản ánh được nỗi đau của con người

muốn thoát ở mặt TÂY. Cùng một vị trí quan sát chiến tranh, người này có thể chỉ thấy máu chảy,

người chết, nhà tan kẻ nạn lại thấy toàn chủ nghĩa, ám mưu, ý hệ... Nói lên thâm trạng máu chảy, người chết, nhà tan là để khơi sâu cảm thức, để đối kháng lại chủ nghĩa, ám mưu, ý hệ. Đào bới tận cơ năng cảm xúc là một quyết định khác, nhằm đưa con người ra khỏi mọi chủ nghĩa, ám mưu, ý hệ (nguyên do của máu chảy, người chết, nhà tan). Tác dụng của văn chương, nghệ thuật là một công hưởng CHIM nên sự biểu tỏ văn chương, nghệ thuật không mới gọi một cảm thông NỘI. Đọc một tác phẩm tả chân về cảnh buồn người, cướp giật, làm đi..., người đọc có thể bắt gặp chính mình bên kia những ám mạng, những nhà chửa. Ngâm nga một bài thơ lãng mạn về tâm hồn mộng mơ, người đọc có thể sờ thấy thân phận mình bên này những trăng sao, những bướm hoa, những vương vãn... Mỗi loại tác phẩm (Viễn mơ hay Tranh đấu) đều tạo nên một sinh khí riêng, một khoái cảm riêng như vậy, nghệ thuật mới thiết lập được một trình hợp lý nhu thuận với lòng người vốn không thể đứng chân mãi ở một đam mê cổ hủ! Văn chương, nghệ thuật, theo đó, nằm tại giao tuyến cực vi của văn này và bên kia tên gọi — cửa Không Vĩnh Cửu (cái Tâm Đại Đồng) bất khả thuyết. Mặt khác, bên này và bên kia là biên địa của lý chứng. Văn chương, nghệ thuật là một trung gian

RUNG ĐỘNG có nhiệm vụ kết liên hai biên địa này để thị hiện làm một (cái nguyên lý Nhất Quán). Tương tự thế nói theo Thomas de Quincey: «There is first the literature of knowledge, and secondly the literature of power. The function of the first is — to teach; the function of the second is — to move; the first is a rudder, the second an oar or a sail. The first speaks to the, mere discursive understanding; the second speaks ultimately, it may happen to the higher understanding or reason, but always through affections of pleasure and sympathy» (Văn chương trước tiên là văn chương của kiến thức, thứ đến là văn chương của sức mạnh. Văn chương của kiến thức là giáo hóa, văn chương của sức mạnh là chuyển biến. Trước là kẻ khai lý, sau là mái chèo hay cánh buồm. Tương hợp đầu chỉ bay to sự am hiểu thuần lý; tương hợp sau bay to một cách tới hậu, có thể là sự ngau phát của một «trình độ cao hơn hay lý trí, nhưng luôn luôn phải xuyên qua sức động của khoái lạc và cảm tình») (7).

Văn chương, nghệ thuật trên đường khởi phát lại sự an định cao tam hòa phải xóa trừ mọi ý niệm về «Viễn mơ» hay «Tranh đấu». Ý niệm không còn, tương tranh chấm dứt, văn chương, nghệ thuật mới có cơ hội mở được cánh cửa Sau Cung mà chúng ta đang chờ đợi.

(5) *Viết và Đọc Tiểu Thuyết*, Đới Nay, Saigon-1961.

(6) Elbert Hubbard, op. cit., p.89.

(7) Elbert Hubbard, op. cit., p.01.

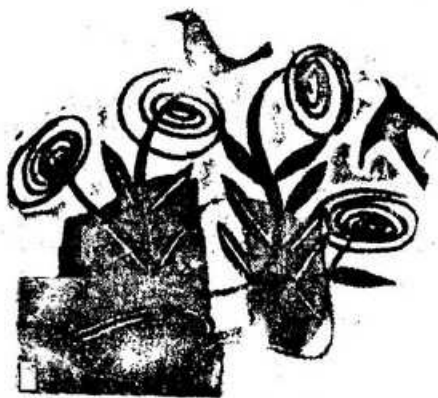
MÂY VÂN ĐỀ VĂN NGHỆ : VŨ HẠNH

tiếp theo trang 5

vì cái đặc thù sản « lâu bền của nó (văn nghệ) mà muốn hay không, người ta cũng mang ở trong máu tủy trọn đời những mối rung cảm đậm đà mà các biểu hiện văn nghệ gây nên, qua nhiều ngõ ngách, bằng nhiều cách thế, trong nhiều trường hợp » (trang 57).

Muốn vậy, văn nghệ phải phản ánh bản chất thực tại, vì « Văn nghệ có sức tác động sâu sắc, lâu bền, căn bản là nhờ ở các hình tượng mà nó vận dụng trong sự diễn đạt » (trang 59) mà các hình tượng nghệ thuật « có chức phận phản ánh bản chất thực tại sâu xa, một cách trung thành. Thực tại thiết yếu có ý nghĩa, vì « những thực tế khách quan có vẻ phong phú, phức tạp dường kia không phải chỉ là một trò hỗn độn, quay cuồng vô nghĩa » (trang 65). Ý nghĩa của thực tại là sự tồn tại độc lập khách quan ở ngoài cái ý muốn riêng tư của chúng ta » (trang 65), mà động lực chính yếu chi phối sự sống — chi phối thực tại tồn tại khách quan — là « sự sống của người » bởi « sống là tồn tại và phát triển », nên cần phải đấu tranh ; bên cạnh đấu tranh thiên nhiên là đấu tranh xã hội của con người (các trang 66, 67, 68, 69). Văn nghệ sĩ phải góp phần vào việc đề cao cái tốt, điều thiện, lý tưởng và sức sống mãnh liệt của xã hội, để giúp cho xã hội vươn lên, lớn mạnh hơn mãi, chứ không được mô tả điều ác, điều xấu để mê hoặc lòng người. « Mọi sự mô tả cái xấu một cách thích thú đã là bằng chứng của một ngòi bút sa đọa, tự đánh đĩ mình và muốn đánh đĩ người khác, cần được loại trừ ra khỏi văn nghệ như bọn phung hủi gớm ghiếc, mà cả những người làm cái điệu bộ ta đây « khách quan » mô tả cái xấu một cách vô tư, cũng là một sự lừa bịp ranh nghệ (trang 75).

Văn nghệ phải thể hiện thực tại khách quan, không thể để cho chủ quan của văn nghệ sĩ bày đặt ra bất cứ hình thái nào khác với hình thái xã hội có thực. Đó là chủ trương của tác giả « Tìm hiểu văn nghệ ». Trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, theo tác giả nhận định, thì « tại khách quan của xã hội Lê Mạt Nguyên sơ đồ vỡ đã lần lần chủ quan của người nghệ sĩ Nguyễn Du trung thành với ý thức hệ phong kiến (các trang 85, 86, 87) Nghệ phẩm do đó phải là một nỗ lực khắc phục cái chủ quan của tác giả. Từ đó, tác giả đi đến chỗ xác quyết rằng nền văn nghệ Việt Nam ở miền Nam này bây giờ là một nền văn nghệ sa đọa trong mọi biểu hiện điển hình ; thứ nhất là « sự thoát ly bằng một ngòi bút êm đềm, ngả lối ái tình » (trang 97), thứ hai là « sự thoát ly bằng một ngòi bút mơ hồ của loại hoang đường quái đản » (trang 100), thứ ba là « sự thoát ly vào những con đường dĩ vãng để ngồi ôn lại chuyện cũ, tích xưa hầu để lãng quên cuộc đời trước mắt » (trang 103), thứ tư là « sự thoát ly bằng cách trốn vào con đường ngõ ngách của những tâm lý cá nhân, theo lối chẻ sợi tóc làm tư, làm sáu » (trang 105) và thứ năm là « sự thoát ly vào những dặm đường khúc mắc của những quan niệm triết học lỗi thời » (trang 108). Tóm lại, tất cả các chiều hướng của văn nghệ ở xứ này bây giờ đều bị tác giả, tố cáo là thoát ly thực tại, lẫn trốn xã hội làm tham trước mắt đang đòi hỏi một



biểu hiện văn nghệ tranh đấu để phục hồi sức sống và đề cao những giá trị tích cực của truyền thống. Một lần nữa tác giả nhắc lại sự tố cáo đó nhắc lại rằng « tóm lại, văn nghệ là một hình trạng ý thức mà con người vận dụng để phục vụ cuộc sống » (trang 113). Theo tác giả, phải vận dụng những hình tượng có đầy đủ hai đặc tính là tiêu biểu và linh động để làm tiêu chuẩn kỹ thuật cho sự vận dụng văn nghệ trong việc phục vụ đời sống (các trang 115-126). Đồng thời, văn nghệ phải hướng vào con người cao cả (hai chân) chứ không được ca tụng bản năng làm cho con người được nhìn giống như thú vật (bốn chân) (các trang 127-138) và sau cùng văn nghệ phải bảo vệ vốn liếng là truyền thống đẹp của dân tộc, dân tộc Việt Nam trong suốt lịch sử dài đầy đặc những cuộc đấu tranh cho tự do và độc lập thiêng liêng phải được coi là thần tượng của người văn nghệ tích cực (các trang 139-151). Để xác định một mô thức sáng tạo, một hình thái tiêu chuẩn cho mọi thể hiện văn nghệ hiện tại và tương lai, tác giả đã đưa ra nhân vật Thạch Sanh làm khuôn mẫu, làm con người văn nghệ điển hình, toàn diện và lý tưởng ; trong đoạn kết luận của cuốn sách tác giả đã viết : « Nghệ thuật Thạch Sanh mới chính (thực là) nghệ thuật của đời, của dân tộc, của nhân loại » (trang 163).

Thế là, từ một quan điểm triết học được phôi bày, một cách sơ sài, tác giả đã đề ra cả một chương trình sáng tạo văn nghệ rút ra từ những phân tích một chiều, với luận điệu của một cán bộ chính trị tuyên truyền cổ võ cho những tin điều độc đoán của một chủ nghĩa đã biến thành khí giới để tiêu diệt mọi tự do căn bản của con người nói chung và tự do sáng tạo thiết yếu của văn nghệ sĩ nói riêng. Như tôi đã trình bày ở trên, kiến thức triết học của tác giả quá sơ khoáng nên tác giả chỉ nhìn có thể có một lối lý luận duy nghiệm hơi hợt và duy xã hội nông cạn, thiếu sót. Hiểu biết của tác giả về chủ thuyết Mac Xít là hiểu biết mà những cán bộ hạ tầng của đảng Cộng sản Việt Nam cũng có được. Tác giả nhắc lại những tin điều rút ra từ loại sách cổ « ABC du Marxism » một cách trung thành, như vệt, chứng tỏ nơi ông không có một khả năng tiêu hóa và chế biến đáng kể, càng cho thấy rõ ông không có khả năng sáng tạo hay tái tạo mà người làm văn nghệ đích thực không thể thiếu. Và chính những tin điều đó, làm nền tảng cho lý luận của tác giả, chứng minh mẽ, vững chắc đến mức nào ?

Văn nghệ phản ánh thực tại ý thức là phản ánh của thực tại xã hội đó là quan niệm « conscience-reflet » của Lênine, quan niệm duy vật duy cơ và giáo điều chưa thoát khỏi ám ảnh kinh viện về một thứ « chân lý » xét như « sự phù hợp giữa sự vật và tri tuệ trong chủ thuyết của Thomas d'Aquin : « Veritas est adaequatio rei et intellectus ». Còn chủ trương căn bản của tác giả rằng văn nghệ phải phục vụ đời sống rõ ràng là chủ trương văn nghệ phẩm là phương tiện tương đương với cơm áo một phần sung sướng một phần khác, đồng thời biến văn nghệ sĩ thành những tên đầy tớ của các thế lực ngự trị xã hội, những tên đầy tớ càng hèn hạ khi càng trung thành, những tên đầy tớ đáng ghê tởm bởi sự vong thân của chúng. Quan điểm của tác giả muốn « Tìm hiểu văn nghệ » là quan điểm chỉ huy văn nghệ bằng chính trị. Quan điểm đó đi sâu vào sườn văn nghệ sĩ hay trôi tay họ khi họ có ý muốn làm khác, đồng thời khiến cho những người đang tập tành muốn làm văn nghệ vì cảm thấy mình có năng khiếu, khi đọc sách « Tìm hiểu văn nghệ » phải run sợ ; run sợ trước trách nhiệm nặng nề phải gánh chịu và run sợ vì sẽ mất hết tự do diễn tả, luôn luôn sẽ ngại ngần áy náy không biết mình đã đi đúng đường hướng phục vụ dân đông, đề cao dân tộc và xây dựng xã hội chưa ? Đến phần tố cáo nền văn nghệ miền Nam Việt Nam là sa đọa, là thoát ly đời sống bằng 5 ngã đường, tác giả tố ra quá nghiêm khắc. Thực ra, thời nào chẳng có 5 xu hướng đó bên cạnh xu hướng tranh đấu ? Tác giả không nhìn thấy những biểu hiện khác ở văn nghệ Nam Việt Nam bây giờ tác giả không thấy ngay cả những sáng tác của chính ông và của những nhà văn cùng quan điểm sáng tác với ông ! Sự kết án gay gắt của tác giả rõ ràng là phủ nhận toàn thể văn nghệ phẩm ở đây, đồng thời, nếu sự kết án này được lồng quát hóa, nó sẽ phủ nhận luôn cả đa số các văn nghệ phẩm trên thế giới tự hồ chỉ kim, tự Đông sang Tây, bởi văn nghệ phẩm vốn dĩ là sự biểu hiện cái nhìn tự do của văn nghệ sĩ vào cuộc đời và chính mình, trong khi tác giả muốn câu thúc sự sáng tạo của văn nghệ sĩ bằng cách bắt họ phải có một lối nhìn duy nhất. Văn nghệ sĩ không bao giờ được bị quan (trang 70) ! Thật quá nghiệt ngã ! Và thực tại, thước đo duy nhất của văn nghệ phẩm, nó là gì ? Sao lại chỉ có một ý nghĩa xác định, chính xác, về thực tại, như 2 với 2 là 4, mà thôi ? Không, người văn nghệ không thể bị bị kín hai bên mắt để đi đâu cũng chỉ nhìn thấy phía trước, như con ngựa già đáng thương ở phủ chúa Trịnh hồi nào, như một văn nghệ sĩ miền Bắc đã mô tả cách đây trên 10 năm. Chẳng lẽ tác giả « Tìm hiểu văn nghệ », với quan điểm quá cứng rắn của ông, chủ trương rằng văn nghệ bắt buộc chỉ có một sắc thái, và văn nghệ phẩm chỉ gồm rất một thứ cục đại thọ, như Phan Khôi đã thảng thốt báo động và kêu than ? Quả thực, chủ trương của tác giả « Tìm hiểu văn nghệ » chỉ cho thấy một cái nhìn một chiều, mù quáng và thiếu sót, chỉ đưa tới một viễn tượng văn nghệ vô cùng nghèo khổ. Nói cho cùng, tác giả có quyền sáng tác theo quan điểm của riêng ông,

Nhiên đó là tự do tuyệt đối cần thiết cho ông, một văn nghệ sĩ — mà tác giả cũng có quyền hờ hào người khác sáng tác theo quan điểm đó của ông, đó cũng là tự do của ông, nhưng chỉ hờ hào mà thôi, chỉ có phê hờ hào thôi! Ông không thể bắt buộc mọi người làm văn nghệ phải tin tưởng tuyệt đối ở giáo điều mà ông đã tin, không thể cưỡng bức tự do văn nghệ để chỉ nở ra một giống cúc đại thọ duy nhất trong vườn hoa văn nghệ mà ông muốn không chế bằng được! Mọi phê bình và lý luận văn nghệ hết quá chỉ rút tỉa từ thực tại văn nghệ đã hay đang có, hoặc có để xướng một lý thuyết của tương lai văn nghệ thì cũng nên tôn trọng những điều kiện sinh tồn thiết yếu văn

nghệ, Nghĩa là các lý luận và đề thuyết văn nghệ chỉ có thể có giá trị và được lắng nghe bằng nhiệt tâm khi được trình bày theo trực thái cách (mode indicatif) hoặc điều kiện cách (mode conditionnel), chứ không thể theo mệnh lệnh cách (mode impératif). Thời của Jdanov đã là thời của cơn ác mộng đối với các văn nghệ sĩ Nga Xô và thái độ chỉ đạo văn nghệ của Nguyễn Đình Thi trong cuốn "công việc của người viết tiểu thuyết" (nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, xuất bản năm 1964—Nhà xuất bản sinh viên Di Tới, Saigon in lại năm 1971) là giấc mơ kinh hoàng đối với văn nghệ sĩ Cộng sản bây giờ, nếu họ còn niềm chân thành văn nghệ, dù rằng nhiều khi người ta

vẫn rất chân thực, thành thực, trong sự đả kích của mình, như tác giả (Tâm hiện văn nghệ) đã nhận nhận (trang 81). Nhưng khát vọng là thành thực hay cúi đầu công lưng phục vụ cho một chính sách văn nghệ khắc nghiệt là chân thực, đối với người làm văn nghệ chân chính? Tự do văn nghệ có thể bị giới hạn, người văn nghệ tự khép mình trong kỷ luật, nhưng đó chỉ là một kỹ thuật thể hiện tự do, mà chính người văn nghệ tự ấn định cho mình (trường hợp theo Đường luật của Trung hoa, luật tam nhất trí trong kịch cổ điển Tây Phương). Một khi đứng ngoài nhìn vào văn nghệ mà phủ nhận tự do văn nghệ là tàn sát văn nghệ vậy!

thời đại buồn bã

(Tiếp theo trang 2)

Những người con gái ở đó mộng mơ, đã làm cho con trai đó thần thái phát sáng ở đó đã không xóa nhòa được một quá khứ huy hoàng một cuộc sống cung cách mẫu mực, một lễ lối gia phong, xưa cũ (đôi lúc là giả tạo) Ở đó có những mối tình thật đẹp. Những mối tình thâm kín, âm u, những mối tình cảm kéo dài hàng năm, hàng năm. Ở đó có những khu vườn và những con đường xanh cây lá, rợp bóng im, ở đó có hàng vạn cửa sổ—có hàng vạn mối tình si—con trai ở đó thường đi hoang, lén lút tiếp nhau. Đi hoang có lắm người làm nên chuyện. Thường mơ cách mạng, bất mãn và chống đối từ mọi phía, con gái thì vô cùng mơ mộng nhưng cũng vô cùng thực tế. Tính toán thiệt hơn. Mè bằng cấp, danh vọng tiền tài. Lén xe, xuống ngựa — yêu một thi sĩ nhưng là vợ một phương lái buôn, tiền chất đầy tủ yêu một kẻ lãng tử giang hồ nhưng vợ một bác sĩ — giáo sư... Ngoài ra ở thành phố đó, có lắm cái hiện tượng đến rừng mình. Một thi sĩ nổi danh đã ở đó 30 năm nay trong một căn nhà cỏ. Cỏ mọc đầy sân, đêm đêm nằm nghe rầm, rít kêu ngoài vườn cây bãi cỏ—Rất nhiều con gái sinh ra lớn lên lấy chồng và sinh con mà chưa biết đến một thành phố lạ, chưa rời xa khung cảnh quen thuộc, đã chỉ một lần — ở đó có những con đường đã mòn nhẵn gót giày của người con trai, mà hình ảnh người con gái vẫn còn thấp thoáng sau cánh cửa—một bờ vai, một cánh tay còn cách xa với mọi — ngàn trùng.

Trong một bài giới thiệu, viết cho phòng tranh của 2 người bạn họa sĩ, P viết: tác giả đã không tổ cáo thời đại mình. Xem phòng triển lãm về tội phải gay gắt: moa nghi moa rất ít hiểu về hội họa, nhìn từ một phía nào đó, nhưng hai ông họa sĩ đã tương phản nhau rất nhiều về màu sắc. Chỉ có một điều họ gặp nhau. Tranh của họ đã tổ cáo thời đại hùng hồn thời đại bình. Buồn bã. P. cười thích thú. Tôi cũng như P và một số bạn bè đã tha phương, có kẻ đã chết nhưng bao giờ cũng cố hư tưởng về thành phố cũ và đôi lúc hốt hoảng giữa đêm khuya, nghĩ rằng mình đang sống nhưng lòng âm thầm đã chết. Chết thật rồi. Thời đại tôi!

CHUYỆN VỢ CHỒNG

tập truyện cười của ĐẶNG TRẦN HUÂN

ĐÃ BAY BÁN TRUYỆN DÀI

MÙA HẠ HUYỀN

- ☐ Một câu chuyện phi luân và vô luân có xảy ra thật.
- ☐ Câu chuyện kể rằng: Đời càng nhiều đàn bà càng chán, nhà càng đông con, gái càng buồn!
- ☐ Văn lối viết thanh minh, có duyên và táo bạo có hữu của TỬY HỒNG.

VĂN KHOA xuất bản

NHỚ ĐỌC:

SÂU HƯƠNG PHÂN

Tiểu thuyết thời đại của PHƯƠNG TRIỀU

ÔNG HẬU xuất bản

- ☐ Một tác phẩm mà những người đang hướng hạnh phúc không nên đọc
- ☐ Một tác phẩm dành cho những trái tim điên.

Tủ sách mong muốn của Nhà Giáo:

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

- L. THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC

TÂM LÝ GIÁO DỤC

- L. THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC

CÁC VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

- L. THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC, NGUYỄN HÒA LẠC, DƯƠNG MẠNH THƯỜNG, NGUYỄN VĂN TRANG, NGUYỄN VĂN HỮU, NGUYỄN VĂN CHÂN.

TÂM LÝ NHỊ ĐỒNG

- L. THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC

- Chim Việt gìn giữ:

THÁI BÌNH TRẢ LẠI

- ☐ một thi phẩm độc đáo của Trương (tác giả Một Thi Kỳ Mấy Văn Thơ)
- ☐ Chim Việt Xuất bản và phát hành.

Quán THIÊN LỘC

THỨC ĂN NGON
GIẢI KHÁT RẼ

Quán số 2 Thảo-Cầm-Viên

SAIGON

SÁCH LÁ BỒI phát hành toàn quốc:

- NHƯ CÁNH CHIM BAY truyện dài của VÕ HỒNG.
- ⊕ Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc NHƯ CÁNH CHIM BAY để thấy lại hình bóng mình ở đó.
- Bạn trẻ chưa hân hạnh dự cuộc kháng chiến thần thánh nên đọc NHƯ CÁNH CHIM BAY để thấy đàn anh đàn chị mình làm gì.
- ⊕ GÓP NHẶT CÁT ĐÁ của Thiên sư Maja Đỗ, Đinh Đồng dịch.
- Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zew.

THÁI ĐỘ ấn hành tháng 8

QUỐC-VĂN lớp 6

TH. UYÊN Nguyễn Kim Dũng

- ⊕ Chương trình cập nhật đủ giảng văn, luận văn, văn phạm chính tả. Chú giải đầy đủ nhất, thích hợp cho sự giảng dạy ở nơi thiếu tài liệu tham khảo như các quận, tỉnh và ngoại quốc.
- ⊕ KIM VĂN: 70 bản văn của ba thế hệ văn học Việt-Nam; Nhất-Linh, Sơn-Nam, Khái-Hưng, Võ Phiến, Duy-Lam, Bình Nguyễn-Lộc, Đoàn Quốc-Sĩ, Hồ-Hữu - Tuyền, Nhất - Hạnh, Nguyễn-tuân-Phát, Dương Nghiễm-Mậu, Y Uyên.
- ⊕ Quan niệm giáo dục mới, rèn luyện tinh thần dân tộc và tự lập.

Nhà Xuất Bản HOA TIM

Chủ trương tuổi trẻ cần đóng góp và tự khai phá miền đất phù sa của lứa tuổi mình.

Trong đợt đầu ra mắt:

- 1) Cá Vược Vũ Môn của Bình Nguyễn Lộc
- 2) Đôi Măng Xà Vương của Sơn Nam
- 3) Lời thề hoa cúc của Vũ Minh Thiệp
- 4) Tình yêu đã thăng của Cỏ Liêu
- 5) Cô gái bán diêm của Vũ Minh Thiệp
- 6) Bức Hoa Hoa Hồng của Nguyễn Lan
- 7) Căn Cũ Kuong Gian Mũi Gió của Lê trường Ly
- 8) Bầy chim non trong vườn Cao su của Dương Trữ La

Các bạn trẻ đón xem tại nhà sách Phong Phú 120 Đinh Tiên Hoàng và các hiệu sách khác.

- Đã phát hành trên toàn quốc:

CUỐI MÙA GÓC CHƯỞNG

- ☐ truyện dài đồng quê của Hàn Song Thanh
- ☐ Chim Việt Xuất bản

LỊCH SỬ GIÁO DỤC

• L. THANH HOÀNG DÂN

TRẦN HỮU ĐỨC

68 Nguyễn Bưu

CHOLON

- TUẦN BÁO KINH HÀNH

ĐÔNG TRINH



tình về

ngỡ mình đã mất trong nhau tay hoàng hôn vầy còn vương
nhưng mưa thu kết hoa đầu còn chân ngày
thơm
tôi về tay lã ngón buồn ngỡ tình đã cuối cơn say
Em câu tình nhớ âm tròn nét mới nhưng viên độc tổ mới xoay nữa
vòng
ngỡ người đã chết trong tôi cây mềm lá đỏ mắt chong
nhưng trên đỉnh nhớ mây trời biền xa con nước lưng dòng
còn bay dừng phôi
lời thức đêm tôi thức ngày
ôi sao tôi lại tự dưng dọa thân bây giờ người lại trong tôi
tình đau nủ biếc nhánh rời
ngỡ mùa đã cuối xuân xanh nhánh xa
mưa hoa nủ thấm trên cành vết trâm tuổi đá lăn qua
còn rung sau lưng cây cỏ chắc già thiên
bãi xao xác gió vô thường nhiên

đưa lời

bây giờ ngoài đó thưa em tóc ru sợi nhớ lưng tròn lụa se
hàng tơ nhánh rủ có niềm gió sáng ngày đi tối ngày về
bay tay ôm vỗ tập tay che nón buồn
buồn trông con nước vơi đầy bây giờ sừng nở quanh thôn
cần nghiêng nhịp lễ chắt gầy nền lu ngou nhớ đêm mòn mắt
đáng qua
sân hiu hắt mấy cùm trà trông
đồng thương tuổi lửa cỏ già hay trắng xa trắng mộng vô cùng
non thương nhau em có nghe lòng
và em xanh mắt hoàng hôn chùng đây ?

QUÁN XÍCH ĐU CẦU TUỘT

Nơi giải trí lành mạnh cho các em tại
Thảo cầm Viên

Thảo-Cầm-Viên

SAIGON

Khởi Hành và Tổng Hội S.V.V.N. tại Ba Lê hân hạnh giới thiệu :

TRIỂN LÃM LÊ-TÀI-ĐIỂN

Giải Nhì Hội Hợp Quốc Tế lần thứ tư tại Turin — Italia
Giải Ba Hội Hoa Nữ Ước

TỪ 12 TỚI 22-8-1971
TẠI ALLIANCE FRANCAISE
24 GIA-LONG — SAIGON 24



giữa
Tòa Soạn
và
bạn đọc

THÔNG CÁO

VỀ VIỆC HỌP ĐẠI HỘI
THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ KIẾN
ỐC VNSQĐ.

Trân trọng kính mời anh em hội
viên đã ghi tên gia nhập tổ chức làng
VNSQĐ đợt 1 đến dự Đại hội thành
lập Hợp tác xã Kiến Ốc VNSQĐ
ngày 6-8-71 lúc 09 giờ 00 tại trụ sở
72 Nguyễn Du Saigon.

Giấy mời họp cá nhân sẽ được
gởi đến anh em tiếp theo sau.

BAN SÁNG LẬP
Hợp tác xã Kiến Ốc

Nguyễn Lăng. Hàn tử Tâm.
Mặc Huyền Dung. Nhật Quí. Nguyễn
Thủy. Hoài mai Châu. Hàn đơn Tâm.
Trần minh Quang.

Nay ở đầu, Một tờ sinh hoạt
nhóm đang tiến hành.

Liên lạc gấp về : Thy linh Thy
60, Khải Định. Phan Thiết — (Trần
Miền Sơn)

NHÂN TÂN

Dã THUY (H.A) Cảm ơn anh.
Cả gửi cho đều đều. Ty Quản Lý đã
gửi BP cho anh. Mong gặp anh khi
có dịp ghé Sg.

NG LƯƠNG VỊ. Đã hiểu là
thư. Không còn gì phải áy náy.

VŨ HỮU ĐỊNH (ĐN) Anh
đoán đúng. Hồi sau này công việc bề
bộn quá.

TRIỆU HẠNH. (TH) Có vui
lòng cho lại cái địa chỉ, để gửi lại số
báo có thiếu. Cảm phiền.

HOÁN ĐỔI

Chú Nguyễn văn Hảo Đại đội
4/302 ĐPQ KBC. 4245 thuộc Tiểu
khu Kiến Hòa, muốn hoán đổi về
Tiểu khu Ninh Thuận Khánh Hòa.
Quý bạn nào muốn hoán đổi, xin liên
về địa chỉ trên.

Danh sách các xã viên đã đóng
tiền đặt cọc mua đất.

(tiếp theo)

127) 6.6 Nguyễn xuân Vũ KBC. 3529
128) — Đông văn Thành KBC. 4199
129) — Trần đình Nghĩa. Tòa Hành
Chánh Phong Dinh
130) — Ng hoàng Song KBC. 3430
131) — Trần hữu Giao KBC. 4100
132) — Nguyễn minh Kỳ KBC. 3060
133) — Trần văn Thơ KBC. 3004
134) — Trần văn Thơm KBC. 3004
135) — Ng ngọc Thường KBC. 4600
136) — Lê Thuận KBC. 3578
137) — Ngự phước Toàn KBC. 4648
138) — Đoàn văn Roãn KBC. 4302
139) — Cao đình Thuần KBC. 6384
140) — Lê Chánh KBC. 4100
141) — Nguyễn hữu Sáng KBC. 3529
142) — Trần văn Nhứt KBC. 3168
143) — Đào tiến Luyện KBC. 4061
144) — Phạm ngọc Thanh KBC. 4245

ĐẠI-NAM NGÂN-HÀNG

(DAINAM BANK)

Trụ Sở Trung Ương : 17 Công Trường Lam Sơn, SAIGON

Điện Thoại : 93.444 — 93.445 — 95.874

CHI NHÁNH :

— TÂN ĐỊNH : Số 285-287, Hai Bà Trưng, TÂN ĐỊNH
— CHỢ LỚN : Số 549-551, Đồng Khánh, CHỢ LỚN
— VŨNG TÀU : Số 2, Nguyễn Thái Học, VŨNG TÀU
— MỸ THO : Số 26, Thủ Khoa Huân, MỸ THO

TẶNG LÃI XUẤT :

Kể từ 01-08-1971, Đại Nam Ngân Hàng sẽ tặng lãi xuất
Như sau :

A — TRƯỞNG-MỤC TIẾT-KIỆM. RỒNG VÀNG.

— Loại A có dự xđ số mỗi tam-cá-ngũ, ết

Tiền lãi tăng từ 1000 lên 1200 một năm gồm có :

9000 lời chính và 3000 lời phụ xđ số.

— Loại B không dự xđ số

Tiền lãi tăng từ 1000 lên 1200 một năm.

B — TRƯỞNG-MỤC KÝ-THÁC ĐỊNH ĐY

3 tháng : Tăng từ 1400 lên 1600

6 II : Tăng từ 1600 lên 1800

9 II : Tăng từ 1800 lên 1900

12 II : Tăng từ 2000 lên 2100

⊕

ĐẠI NAM NGÂN-HÀNG luôn luôn bảo-vệ quyền-lợi của
khách hàng.

— Công việc làm nhanh-chóng và kín đáo.